

ALPHONSE DAUDET

*Lettres
de mon moulin*

**Những
cánh
thư hê**

LƯU BĂNG dịch



NHỮNG CÁNH THƯ HÈ

Alphonse Daudet

Lưu Bằng dịch

những cánh thư hè

Alphonse Daudet

Người dịch: Lưu Bằng

*Bìa: **M. C. P***

*Nguồn: **Thư viện Tiểu Lùn***

những cánh thư hè

ALPHONSE DAUDET

Người dịch: Lưu Bằng

ĐỜI MỚI
xuất bản 1973

MỤC LỤC

Đôi lời giới thiệu	9
1. Con dê của ông Seguin	13
2. Cơn hấp hối của chiếc Sémillante	31
3. Bí mật của lão Cornille	49
4. Những vì sao	66
5. Con lừa của giáo chủ	82
6. Cái chết của thái tử	111
7. Hải đăng đảo Sanguinaires	120

ĐÔI LỜI GIỚI THIỆU

Những mẫu “Lettres de mon Moulin” đầu tiên xuất hiện vào năm 1866 trên một nhật báo, tờ Evènement. Khi in thành sách ba năm sau, chúng chỉ mới gồm 19 truyện. Về sau (đến năm 1884) lại thêm năm truyện nữa với đề tài hơi khác (Les Étoiles, Les Douaniers, En Camargue, Les Vieux, Les Trois Messe Basse)

Đây là những câu chuyện được mơ tưởng, được viết ra trong một máy xay

gió già nua, tác giả đã nông mà mua về. Trong giai phẩm con con này, người ta tìm được đặc tính, vừa của miền Nam nước Pháp, vừa của cả nước Pháp, tác phẩm vừa có tính cách địa phương, vừa đại đồng, chan chứa tình nhân loại man mác... hương đồng nội.

Nhà phê bình Lanson cho Alphonse Daudet có biệt tài trong việc miêu tả những gì lưu luyến đến thiện cảm của mình. Mà Daudet thì tất cả đều khiến cho ông lưu luyến. Ông có thiện cảm với kẻ nghèo, với thú vật, với cây cỏ, với vạn vật. Đâu đâu trong mỗi trang, mỗi hàng, ông cũng trút ra một ít lòng mình. Nhưng dù là ký ức, chuyện xưa, thần thoại hay chỉ là chỉ là những hình ảnh tầm thường rút trong kho truyện cổ của miền Nam Pháp hay xuất phát từ tâm hồn thi sĩ, điều học được hay điều nghe

thấy, điều tưởng tượng, luôn luôn chúng là những điều rung cảm chân thành. “Les Lettres de mon Moulin” có giá trị nhất và trước tiên nhờ vào hình thức. Lời văn có mùi vị của rượu ngọt, của bó hoa, ngay cả thể văn cũng súc tích nhiều hình ảnh đẹp. Bây giờ “Les Lettres de mon Moulin” là một tác phẩm cho học sinh học trong trường, ngang hàng với Fables của La Fontaine và truyện cổ của Perrault.

Chúng tôi rút bảy truyện thường cho đọc hơn hết trong lớp và thoát dịch chữ “Les Lettres de mon Moulin” thành “Những cánh thư hè” gửi đến bạn đọc xa gần.

SAIGON.
Năm 1974.

CON DÊ CỦA ÔNG SEGUIN

LA CHÈVRE DE M.SEGUIN

Mãi mãi rồi anh cũng sẽ không đổi tính, anh Gringoire¹ ạ.

Sao! Người ta cho anh một chân ký giả trong một nhật báo giá trị ở Paris, thế mà anh cả gan từ chối....Nhưng anh hãy

1 Pierre Gringoire là một thi sĩ thực sự sống vào đầu thế kỷ thứ 16 . Victor Hugo đã tạo ông thành một trong các nhân vật trong tiểu thuyết Notre Dame de Paris. Với Thoédore de Banville, Gringoire thành một vai chính trong một vở kịch của ông. – Hình ảnh hai nhà văn phác lên về Gringoire là hình ảnh một anh chàng đói rách, điều đó không đúng sự thật.

nhìn cái áo thùng kìa, cái quần xốc xếch kìa, gương mặt gầy kêu đói kìa. Ấy thế mà, đây là nơi mà sự say sưa những vần thơ đẹp đưa anh đến! Đây mười năm tận tụy phụng sự thi ca để rồi chỉ có được bấy nhiêu. Mãi rồi anh không xấu hổ ư?

Anh đi làm ký giả đi, đồ ngu! Anh làm ký giả đi! Anh sẽ lãnh được những đồng tiền hoa đẹp, anh ăn ở nhà hàng Brébant, và anh có thể hiện diện trong các buổi công diễn đầu², với ngòi bút mới giắt trên mũ берет.

Không à? Anh không muốn à? Anh muốn sống tự do tùy thích cho đến suốt cuộc đời ư? Vậy, anh hãy nghe qua câu chuyện “Con dê của ông Seguin”. Rồi anh sẽ thấy muốn sống tự do có lợi hại gì.

Ông Seguin không lần nào được may mắn với bầy dê.

2 Buổi công diễn đầu của một vở kịch.

Ông mất chúng cùng một cách như nhau; một buổi sáng đẹp trời, chúng bứt đứt dây, đi lên núi, và trên ấy, chó sói ăn thịt chúng. Không có những cái vuốt ve của chủ, không nỗi sợ chó sói, không gì giữ chúng. Hình như đó là những con dê độc lập muốn sống tự do, giữa khoảng trời to rộng với bất cứ giá nào.

Ông Seguin tốt bụng, không hiểu tí gì về tính tình mấy con vật của mình, lấy làm buồn khổ lắm.

Ông nói:

– Thế là xong, dê chán ở nhà ta, ta sẽ không giữ được con nào.

Tuy vậy, ông không nản lòng. Và sau khi mất sáu con dê cũng cùng một cách như nhau, ông bèn mua một con thứ bảy. Có điều phen này, ông cẩn thận lựa

con thật nhỏ để nó dễ quen ở lại nhà ông hơn.

Ôi! Gringoire ạ, con dê con của ông Seguin xinh làm sao? Nó xinh làm sao với đôi mắt dịu hiền, chòm râu con ngạo nghễ, đôi vó đen và bóng, đôi sừng có vằn ngang và lớp lông dài trắng như cái áo choàng phủ ngoài thân mình nó. Nó cũng gần dễ thương như con dê nhỏ của Esméralda, anh có nhớ không, Gringoire? Và lại ngoan, mơn trớn, để cho vắt sữa mà không động dậy, không đặt chân vào đĩa ăn. Một con dê thật đáng yêu....

Sau nhà ông Seguin có một thửa vườn với vòng rào hoa trắng. Ông để cô khách mới của mình ở đó. Ông cột nó vào một cây nọc, ở nơi đẹp nhất của sân cỏ, cẩn thận để cho nó một quãng dây dài và thảnh thơi ông đến thăm chừng xem nó có vừa ý không. Con dê rất lấy

làm sung sướng và gặm cỏ một cách sẵn lòng quá, khiến ông Seguin vui dạ. Tội nghiệp, ông nghĩ:

– Hừ, mãi tới giờ mới có một con không chán nhà mình.

Ông Seguin lắm, con dê của ông đâm chán.

Một hôm nó nhìn ngọn núi, tự nhủ:

– Trên ấy hẳn phải là thích lắm; tung tăng trên bãi cỏ hoang không có cái sợi dây quái ác này của cổ mình thì thật là thú! Lừa hay bò gặm cỏ trong một vòng rào thì được. Với dê, cần phải có nơi khoáng đạt cho chúng.

Từ khi ấy, cỏ trong vòng rào đối với nó có vẻ nhạt nhẽo. Nó đâm chán nản. Nó gầy dần, sữa ít đi. Nhìn nó mà thương hại, suốt ngày nó kéo căng sợi

dây, đầu quay nhìn về phía núi, mũi hỉnh ra, miệng kêu bê bê...một cách buồn bã.

Ông Seguin thấy rõ con dê của mình có một cái gì, nhưng ông không biết cái gì đó như thế nào....Một buổi sáng, ông vừa vắt sữa xong, dê quay lại ông và nói bằng thổ ngữ của nó:

– Ông nghe tôi, ông Seguin ạ. Tôi chết mòn ở nhà ông, ông hãy cho tôi lên núi đi.

Ông Seguin kinh ngạc, kêu lên:

– Trời ơi! Cả nó nữa – và thoát cái ông đánh rơi cái đĩa; rồi ngồi phệt xuống cỏ bên cạnh dê, ông hỏi:

– Sao, Blanquette, mày muốn bỏ tao à?

Và Blanquette đáp:

- Phải, ông Seguin ạ.
- Ở đây mà thiếu cỏ ư?
- Không phải thế đâu ông.
- Hay có lẽ dây cột mà ngắn quá, mà có muốn tao nối dài ra không?
- Không phải phiền, ông Seguin ạ.
- Thế mà cần gì? Mà muốn gì?
- Thưa ông Seguin tôi muốn đi lên núi.
- Nhưng, khốn nạn, mà không biết trên núi có chó sói sao? Khi nó đến, mà sẽ làm gì?
- Thưa ông Seguin, tôi sẽ húc nó.
- Sói nó sợ quái gì sừng của mà. Nó ăn mất của tao nhiều con dê sừng mạnh hơn mà....Mày biết đấy, con dê Renaude

già ở đây năm rồi. Nó đánh nhau với sói suốt đêm...rồi đến sáng sói ăn nó mất.

– Tội nghiệp bà Renaude. Nhưng không sao ông Seguin ạ, ông hãy để cho tôi lên núi đi.

– Chúa ơi! Sao mấy con dê của tôi lại lạ vậy – ông Seguin nói – Lại thêm một con sắp bị sói ăn mất của tôi thôi. Hừ không, không được. Dù mày không muốn, tao vẫn cứu mày, con khốn! Và để phòng mày bứt đứt dây, tao đem nhốt mày trong chuồng và mày sẽ ở mãi trong đó.

Nói xong ông Seguin mang dê vào một cái chuồng tối đen, ông khoá trái cửa lại. Không may, ông quên mất cửa sổ và ông vừa quay lưng là con bé bỏ đi.

Anh cười, phải không Gringoire?

Phải tôi tin thế; anh thì anh theo phe dê chống lại ông Seguin tử tế....Rồi lát nữa, xem anh có cười không.

Khi con dê trắng lên núi, ai nấy đều vui thích. Không bao giờ, mấy bác thông già lại thấy con vật xinh xắn như vậy. Người ta tiếp đón nó như một bà hoàng nho nhỏ. Bọn cây dẻ cúi sát xuống đất để vuốt ve nó với đầu cành.

Bọn nhược thảo vệt ra trên lối nó đi và cố hết sức tiết mùi thật thơm. Tất cả núi rừng mừng đón nó.

Anh Gringoire thử nghĩ, con dê của chúng ta sung sướng biết mấy! Không dây cột, không nọc... không gì ngăn nó nhảy nhót, gặm cỏ tùy thích. Ở đây mới thật có cỏ, cứ ngay trên sừng ấy, bạn ạ... và cỏ, chao, sao mà ngọt ngào, mỏng sợi, có khía do hàng ngàn thảo mộc hợp

thành. Thật là khác hẳn với cỏ non trong vòng rào. Và còn hoa ấy à!.... Những hoa chuông to xanh, những hoa ngón tay sắc tía cánh dài, cả một rừng hoa đại tràn đầy vị ngọt dễ say.

Con dê trắng dỏ say đắm mình trong rừng hoa, hai chân đưa lên trời và lăn dài theo lề đất, chung lộn với những chiếc lá rơi và mấy trái dẻ. Rồi đột nhiên nó chồm phắt ngay dậy. Hấp! Nó đi kìa, đầu cúi tới trước, qua các quãng đất rậm cây và các bụi ngâu, khi trên đỉnh, lúc tận dưới hố sâu, ở trên, ở dưới, khắp nơi nơi... Người ta tưởng có đến mười con dê của ông Seguin trên núi.

Vì con Blanquette, nó chẳng sợ gì cả.

Nó nhảy phắt một cái qua những khe nước to toé nước mình nó với những hạt bụi ướt và bọt. Rồi mình ướt đầm nước,

nó đến nằm dài trên một hòn đá phẳng nào đó và phơi nắng. Có lần tiến đến rìa một đồi cao, một ngọn hoa thơm cản ở miệng, nó nhìn thấy phía dưới, phía dưới hẳn, trên cánh đồng, ngôi nhà của ông Seguin với vòng rào phía sau. Cảnh ấy khiến nó cười ra nước mắt:

– Nó bé làm sao! Sao mình lại có thể ở trong ấy được?

Thương hại con bé, thấy mình đứng trên cao quá, nó tưởng ít nữa mình cũng to bằng thế giới.

Nói chung, với con dê của ông Seguin đó là một ngày tươi đẹp.

Khoảng giữa trưa, chạy loanh quanh sang phải sang trái, nó rơi vào giữa một đàn hươu đang cắn một cây nho dại một cách ngon lành. Cô bé của chúng ta gây

xao động. Người ta nhường cho cô, nói tốt nhất trên cây nho và tất cả các ông đó đều rất lịch sự.

Thình lình gió mát lại. Núi trở màu tím, chiều đến rồi.

– Chiều rồi! – Dê bé tự nhủ, và nó dừng lại, hết sức ngạc nhiên.

Phía dưới, đồng ruộng chìm trong sương mù. Vòng rào của ông Seguin biến mất trong làn sương và người ta chỉ còn thấy mái nóc nhà con với một ít khói. Dê lắng nghe tiếng chuông con của bầy thú người ta xua về và lòng cảm thấy buồn bã....Một con chim rừng bay về ngang chạm cánh vào nó. Nó rùng mình....rồi có tiếng tru dài trên núi:

Hu!....Hu!....

Nó nghĩ đến chó sói. Suốt ngày, con bé dại không nghĩ đến điều đó. Cùng một lúc, một tiếng còi vang xa tít trong thung lũng. Đó là ông Seguin tử tế kia đang cố gắng một lần chót.

Hu!....Hu!....

– Trở lại! Trở lại đi! – tiếng còi kêu vang.

Blanquette rất muốn trở về. Nhưng nhớ tới nọc, sợi dây, vòng rào, nó nghĩ bây giờ thì nó không thể thích hợp với đời sống đó nữa và hay hơn là nên ở lại....

Tiếng còi không rít lên nữa....

Dê nghe phía sau có tiếng lá sột sạt. Nó quay lại và thấy trong bóng tối hai lỗ tai ngắn, thật thẳng, với đôi mắt sáng ngời: con sói.

Sói ngồi chồm hổm ở đấy hình dạng to lớn và im lặng, nó nhìn con dê trắng con và như nếm dê trước. Vốn biết rất rõ mình sẽ ăn được dê, con sói không vội vàng gì. Chỉ khi dê quay đầu lại, nó mới cười một cách hung ác.

– Ha! Ha! Con dê của ông Seguin.

Và nó thè cái lưỡi to tướng đỏ lói, liếm đôi mép đen nhánh của nó.

Blanquette thấy mình nguy mất rồi. Trong khoảng khắc, nhớ tới câu chuyện bà lão Renaude đánh nhau suốt đêm với sói để rồi sáng bị ăn thịt, dê tự nhủ có lẽ tốt hơn để cho sói ăn mình ngay cho rồi; rồi đổi ý, nó đứng giữ thế thủ, đầu cúi xuống, sừng đưa ra trước, không hổ danh là con dê can đảm của ông Seguin....Không phải nó có hy vọng giết chết sói – dê không giết sói được – nhưng

chỉ để xem nó có thể cầm cự lâu bằng dê già Renaude không....

Bây giờ, con quái vật tiến lại và đôi sừng con xông tới.

Con dê bé can đảm làm sao! Nó húc thật là hết lòng! Hơn mười lần – tôi không nói ngoa – Gringoire ạ, nó buộc con sói phải thối lui lại để lấy hơi thở. Những lúc đình chiến trong giây phút ấy, con tham ăn vội vã ngắt một ngọn cỏ thân yêu rồi trở lại trận chiến, miệng đầy cỏ....Như thế kéo dài suốt đêm. Thỉnh thoảng con dê của ông Seguin nhìn những vì sao nháy nhót trên bầu trời trong sáng và nó tự bảo:

– Miễn mình cầm cự được đến tảng sáng.

Lần lượt các vì sao tắt đi. Blanquette húc nhanh hơn, con sói cắn mạnh hơn. Một ánh sáng nhạt hiện lên ở chân trời, tiếng gáy rè rè của một con gà văng lên từ một cánh đồng cỏ.

Con vật đáng thương tự bảo:

– Được rồi!.

Nó chỉ đợi đến sáng ngày để mà chết: và nó duỗi dài trên đất, trong bộ lông trắng đẹp lấm đốm máu.

Bấy giờ con sói xông lên mình dê và ăn thịt nó.

Giã biệt Gringoire!

Câu chuyện mà anh nghe không phải là một truyện tích tôi tưởng tượng ra. Nếu có đến xứ Provence, các nông gia của chúng tôi sẽ hay kể với anh về con

dê của ông Seguin đánh nhau suốt đêm với sói và rồi đến sáng con sói ăn thịt nó mất.

Anh nghe tôi rõ chứ, Gringoire?

Và rồi đến sáng con sói ăn thịt nó mất.

CƠN HẤP HỐI CỦA CHIẾC SÉMILLANTE

L'AGONIE DE LA SÉMILLANTE

Ngọn gió tây bắc đêm nọ đã ném chúng tôi vào bờ đảo Corse, thì để tôi thuật cho bạn nghe một câu chuyện miền biển hời hợt, mà chiều chiều những người đánh cá miền ấy thường kể cho nhau và cũng tình cờ tôi thu nhặt được nhiều chi tiết rất lạ.

....Cách đây hai ba năm.

Tôi ngược xuôi biển Sardaigne cùng với sáu bảy thủy thủ đoàn, với một kẻ mới nhập nghề như tôi, hành trình gian khổ thật. Suốt trong tháng ba, chúng tôi không có được một ngày tốt đẹp. Ngọn gió đông bấc riết chúng tôi và biển không ngớt gào thét...

Một chiều chúng tôi thoát chạy trước cơn bão, tàu chúng tôi đến nấp vào cửa eo biển Bonifacio, giữa một vòm đảo nhỏ....Quang cảnh không có gì là niềm nở: những tảng đá to nhẵn thín đầy chim, vài bó ngải cứu, những chòm rong biển và dây đó trong bùn, những mảnh ván đang rửa nát; nhưng thật ra nếu ngủ lại đêm, những tảng đá lạnh lùng này còn khá hơn là lườn một chiếc ghe già nua ngập hết phân nửa, sóng ra vào tự do. Và chúng tôi bằng lòng với khung cảnh trước mặt.

Vừa lên bờ xong, trong khi các thủy thủ đốt lửa để nấu món Bouillabaisse³, ông sắp gọi tôi và chỉ cho một vòng đá trắng nhỏ chìm trong sa mù ở cuối đảo, ông hỏi tôi:

– Anh có đến nghĩa địa không?

– Nghĩa địa là sao sắp Lionetti? Thế nơi này là nơi nào?

– Chòm đảo Lavezzi, anh ạ. Chính tại đây đã chôn xác sáu trăm người của chiếc Sémillante, ở ngay nơi chiến thuyền của họ đắm cách đây mười năm....Tội nghiệp! Họ không được mấy ai đến thăm. Nhân ta đến đây, ít nữa ta cũng nên đến chào họ...

– Rất sẵn lòng, sắp ạ.

3 Một thứ súp miền Provence nấu bằng cá, rượu và nghệ.

Nghĩa địa chiếc Sémillante buồn làm sao! Tôi còn thấy lại nó với vòng tường nhỏ thấp, cánh cửa sắt rỉ, mở rất khó, cái nhà thờ nhỏ lạng lẽ và hàng trăm chữ thập đen ẩn sau lớp cỏ. Không một vòng hoa bất diệt, không một kỷ niệm, không gì cả. Chao! Trong nếp mộ tha hương, những kẻ chết vô phúc lạc loài chắc là phải lạnh lẽo nhiều.

Chúng tôi ở đó giây lâu, chân quì xuống. Ông sắp cầu nguyện cao giọng. Nhiều con thủy kê to, kẻ canh giữ duy nhất của nghĩa địa vẫn vũ trên đầu chúng tôi, hoà tiếng kêu chát chúa của chúng với tiếng rên rỉ của sóng biển.

Bài kinh dứt, chúng tôi buồn bã trở về góc đảo nơi tàu neo lại. Trong lúc vắng chúng tôi, các thủy thủ đã không để mất thì giờ. Chúng tôi thấy có ngọn lửa to bùng cháy, nép bên cạnh một tảng đá

và chiếc nồi đang bốc khói. Ai nấy ngồi quanh, chân hơ trên lửa và không mấy lúc mỗi người đều có hai khoanh bánh mì đen chan nhiều nước trong một cái bát bằng đất đỏ đặt trên đùi. Bữa ăn im lặng. Chúng tôi ướm sưng, chúng tôi đói và hơn nữa chúng tôi đang ở cạnh một nghĩa trang....

Tuy vậy khi bát ăn cạn hết, người ta đốt ống điếu và quay ra nói chuyện lai rai. Cổ nhiên, người ta nói về chiếc Sémillante.

Tôi hỏi ông sếp lúc bấy giờ, đêm chiêu nhìn ngọn lửa, hai tay ôm lấy đầu:

– Nhưng này, câu chuyện đã xảy ra như thế nào?

Ông Lionetti hiền lành trả lời với một tiếng thở dài thườn thượt:

– Câu chuyện đã xảy ra như thế nào? Hừ, anh ạ, không ai trên đời có thể biết được. Chúng tôi chỉ biết là chiếc Sémillante chở quân đi Crimée [Trận Crimée (1854 – 1856) liên minh Anh Pháp đánh với Nga.] , khởi hành từ Toulon, chiều hôm trước, lúc trời xấu. Đêm đến càng nguy hại hơn. Nào gió nào mưa, biển to chưa bao giờ ai từng thấy.... Sáng, gió dịu đôi chút, nhưng biển vẫn luôn gào thét, rồi lại có làn sương mù quỷ quái khiến không thể trông thấy được một vọng đặng cách đó bốn bước.... Thứ sương mù đó, anh ạ, người ta hiểu rõ rằng chúng bất trắc lắm....Sương mù cũng chẳng hại gì, tôi nghĩ rằng chiếc Sémillante hẳn đã mất lái buổi sáng, lý do sương mù không đứng vững được, vì nếu không hư hại vật nào, không bao giờ thuyền trưởng lại chịu tấp vào đây. Ông là người đi biển lão luyện. Tất cả chúng

tôi đều biết ông. Ông đã chỉ huy căn cứ ở Corse trong ba năm và thuộc rành rẽ miền duyên hải cũng như tôi, vốn không biết gì khác hơn...

– Thế người ta độ chiếc Sémillante đắm khoảng mấy giờ?

– Chắc hẳn là lúc Ngọ, phải anh ạ, đúng vào giờ Ngọ. Nhưng với sương mù của biển, cái đúng Ngọ đó không hơn gì một đêm tối mịt như họng con sói...

– Một người lính đoan [quan thuế] ở bờ biển hôm ấy, kể cho tôi nghe khoảng mười một giờ rưỡi hẳn ta bước ra khỏi cái nhà con của mình để cột mấy lá sách cửa, bị gió thổi nón bay đi, hẳn bèn cầm cổ đuổi dọc theo bờ, nguy hiểm đến có thể bị ngọn sóng cuốn mất. Anh biết đấy, lính đoan không giàu có gì, và giá một cái mũ không phải là rẻ. Thế rồi, hình như

đến một lúc nọ, anh chàng của chúng ta ngẩng đầu lên, trông thấy gần bên hần, trong sương mù, có một chiếc tàu to buồm cuốn lại, vùn vụt trước gió về phía chòm đảo Lavezzi. Tàu này đi nhanh quá, nhanh đến nỗi người lính đoan không có thì giờ để kịp nhìn kỹ. Tuy vậy, tất cả chúng tỏ rằng đó là chiếc Sémillante, bởi lẽ nửa giờ sau, người chăn dê trên đảo nghe trên mấy hòn đá này....Nhưng kìa, đúng lúc có người chăn dê tôi nói với anh kia, anh ạ....Chào lão, Palombo, đến đây sưởi một tí nào, đừng sợ.

Một người phủ vải cùng mình, tiến đến bên chúng tôi một cách sợ sệt, từ lúc này tôi vẫn thấy hần quanh quần bên ngọn lửa, và tôi lầm là một người trong đoàn, vì tôi không biết trên đảo có người chăn dê.

Đó là một người hủi già, ngờ nghệch, mắc một chứng búng thịt nào đó khiến môi lão sưng mọng lên, to tướng trông thật gớm ghiếc. Người ta giải thích một cách khó khăn cho lão hiểu đầu đề câu chuyện ra sao. Bấy giờ, ngón tay nâng vành môi đau, ông lão kể cho chúng tôi rằng quả thật như thế. Hôm ấy, khoảng giờ Ngọ, từ trong lều của mình, lão nghe có tiếng nứt vỡ kinh khủng trên mấy tảng đá. Vì đảo ngập cả nước, lão không ra ngoài được. Và chỉ sáng hôm sau, mở cửa, lão thấy bờ biển ngổn ngang những mảnh ván và xác chết sóng tấp vào đó. Hoảng sợ, lão tất tả chạy ra chiếc ghe của mình chèo đi Bonifacio tìm người.

Một nhọc vì nói nhiều về câu chuyện, lão chần dề ngồi xuống và ông sắp tiếp lời:

– Phải anh ạ, chính lão già đáng thương này đã đến phi báo cho chúng tôi. Lão gần như điên lên vì sợ và thần kinh lão còn rối loạn vì cảnh tượng khủng khiếp. Mà thật thì như vậy là phải. Anh hãy cứ tưởng tượng, sáu trăm xác chết đông trên cát, chung lộn với những mảnh ván vỡ, những cánh bướm tả tơi. Thương hại chiếc Sémillante! Biển nghiền nát nó ra tan tành, đến trong tất cả những mảnh ván vụn của nó, lão chần dê Palombo khó nhọc lắm mới nhặt đủ để làm một vòng rào chung quanh chòi mình.... Về người, gần như không nhìn mặt được, nát bét một cách thảm hại. Nhìn họ bám kẻ này kẻ nọ từng đê mà não cả lòng. Chúng tôi tìm thấy được thuyền trưởng mặc lễ phục, thấy cả với chiếc tràng hạt ở cổ, trong một góc giữa hai hòn đá, một thằng bé tập sự mắt mở trao tráo....Người ta tưởng nó còn sống,

nhưng không, đã bảo là không một người nào thoát.

Tới đây ông sắp ngừng lại, nói to:

– Nardi, coi chừng, lửa tắt kìa.

Nardi quẳng vào đồng lửa hai ba mảnh ván tráng dầu phùng cháy lên, và Lionetti tiếp tục:

– Trong câu chuyện này có một điều buồn hơn cả là như sau: Ba tuần trước tai nạn, một chiến thuyền nhỏ cũng đi Crimée như chiếc Sémillante đã bị đắm, một cách tương tự gần như ở cùng một nơi. Có điều là lần ấy, chúng tôi cứu thoát được thủy thủ đoàn và hai mươi quân nhân thông vận [Ngành quân đội đảm nhận chuyên chở] trên thuyền. Anh cũng biết đấy, các thông vận binh vô phúc này không quen với việc đắm thuyền.

Người ta đưa họ về Bonifacio và chúng tôi giữ họ hai ngày ở bến tàu. Khô ráo rồi, bình phục rồi thì chào các anh, chúc may mắn, họ trở về Toulon để rồi ít lâu sau, người ta họ lên tàu đi Crimée. Anh thử đoán xem tàu nào? Chiếc Sémillante anh ạ. Chúng tôi gặp họ lại được tất cả, tất cả hai mươi người nằm giữa các xác chết ở ngay nơi chúng ta đương ngồi.... Riêng tôi, tôi nhận ra một anh cai xinh xắn có một bộ râu lấm tấm, một anh tóc vàng gốc Paris mà tôi đã cho ngủ ở nhà, và đã làm chúng tôi cười suốt ngày vì những câu chuyện vui của anh ta. Thấy anh nằm đó, mà lòng tôi se thắt. Chúa ôi!

Đến đây cảm động quá, ông Lionetti rẩy tàn thuốc ống điếu và lăn tròn trong chiếc áo toại, sau khi chúc tôi ngủ ngon.... Trong giây lâu nữa, các thủy thủ còn thăm thì với nhau.....Rồi lần lượt các

ống điều tắt ngấm....Người ta không nói chuyện nữa....Lão chần dề bỏ đi....Và tôi chỉ còn một mình để mơ tưởng giữa đoàn thủy thủ ngủ say.

Vẫn còn chìm trong cảm giác gây nên do câu chuyện hãi hùng vừa nghe, tôi cố tạo lại trong tư tưởng chiếc thuyền vô phúc quá cố và câu chuyện hấp hối mà chỉ có mấy con thủy kê là những kẻ làm chứng duy nhất. Vài chi tiết đập vào mắt tôi, vị thuyền trưởng mặc lễ phục, chiếc vòng tràng hạt của thầy cả, hai mươi thông vận binh, giúp tôi đoán được tất cả những biến chuyển của thảm kịch.... Tôi thấy chiếc thuyền rời Toulon trong đêm....Thuyền ra khỏi cảng. Biển xấu, gió đáng sợ nhưng thuyền trưởng của mọi người là một thủy thủ đảm lược và mọi người trên thuyền đều yên dạ.

Buổi sáng, sương mù nổi dậy. Người ta bắt đầu lo lắng. Tất cả thủy thủ đều ở trên. Thuyền trưởng không rời boong. Trong boong giữa, nơi nhốt các binh sĩ, tối đen: không khí nóng. Vài người ốm nằm trên túi xách của họ. Thuyền chong chênh một cách ghê sợ; không tài nào đứng vững được. Người ta ngồi dưới sàn từng nhóm và bám vào vách mà chuyện trò; phải la to mới nghe được. Trong số, có người bắt đầu sợ. Nghe đây họ kể. Ở quãng này thuyền vẫn đắm luôn, cứ hỏi mấy anh thông vận binh thì biết và những gì họ thuật không làm cho người ta yên dạ chút nào. Nhất là anh cai của họ, một người Paris lúc nào cũng nói đùa, làm cho họ rợn da gà, với những câu cà rợn của anh ta:

– Đắm thuyền à? Vui lắm chứ sao, đắm thuyền. Chỉ tắm nước đá một

chuyến và rồi người ta đưa mình về Bonifacio để ăn ở nhà ông sếp Lionetti.

Và bọn lính cười ô....

Thình lình có tiếng nứt vỡ. Gì vậy? Chuyện gì vậy?

– Bánh lái vừa trôi mất – Một thủy thủ vừa chạy ngang vừa nói, mình mảy ướm đâm.

– Hành trình vui vẻ nhé – Anh cai buồng binh kêu to. Nhưng lời anh không làm ai cười nữa.

Hỗn loạn trên boong. Sương mù ngăn trở không cho thấy nhau. Mấy thủy thủ chạy qua chạy lại, sờ soạng, kinh hãi.... Không còn bánh lái, không điều khiển gì nữa được. Chiếc Sémillante không lái vùn vụt dưới gió. Chính vào lúc này mà người lính đoan thấy thuyền trôi qua.

Khi ấy mười một giờ rưỡi. Phía trước chiến thuyền, người ta nghe như một tiếng đại bác. Đá rạn! đá rạn!....Thôi rồi, không còn hy vọng gì nữa, tàu đi ngay vào phía bờ....Thuyền trưởng xuống căn buồng của mình. Chập sau, ông trở lại trên boong – mình mặc lễ phục....Ông muốn người ông đẹp để đi mà chết.

Trong boong giữa, quân sĩ lo lắng, nhìn nhau không nói gì....Mấy người ốm cố trấn dậy... Anh cai nhỏ bé không cười nữa... Lúc bảy giờ, cửa mở và thấy cả hiện ra, vòng tràng hạt trong tay.

– Quì xuống, các con.

Mọi người nghe theo. Với một giọng oang oang, thầy cả bắt đầu bài cầu nguyện của những người sắp chết.

Đột nhiên, một tiếng va chạm khủng khiếp, một tiếng kêu, một tiếng kêu duy nhất, một tiếng kêu mênh mông, những cánh tay đưa ra, những bàn tay bấu víu nhau, những cái nhìn kinh hãi trong ấy hình ảnh của cái chết thoáng qua nhanh như tia chớp.

Chúa ơi!

Suốt đêm tôi mơ tưởng như thế, gọi lại cách nhau mười năm, linh hồn chiếc thuyền vô phúc mà những mảnh vụn bao quanh tôi....Đàng xa, trong eo biển, giông tố bão bùng; ngọn lửa nhóm đêm cuốn đi dưới ngọn cuồng phong, và tôi nghe chiếc tàu của chúng tôi bập bênh dưới chân đá. Khua dây neo kêu lên.

BÍ MẬT CỦA LÃO CORNILLE

LE SECRET DE MAITRE CORNILLE

rancet Mamai, một lão thối sáo già thỉnh thoảng vẫn đến họp đêm tại nhà tôi, một chiều nọ vừa uống rượu nấu, vừa kể cho tôi một tấn kịch con con trong làng, tấn kịch mà cối xay gió của tôi được chứng kiến cách đây độ hai mươi năm. Câu chuyện của lão làm tôi cảm động và tôi cố lặp lại cho các

người đứng theo những gì tôi đã nghe được.

Bạn đọc thân mến, hãy tưởng tượng trong một giây lát rằng bạn đang ngồi trước một hũ rượu thơm ngát và chính lão thối sáo đang nói với bạn.

Xứ chúng ta, ông bạn ạ, không phải là một nơi vắng vẻ và chán ngắt như bây giờ. Trước kia việc xay bột rất là thịnh vượng trong vùng, và người trong các nông trại xa mười lăm dặm chung quanh đem lúa mì đến cho chúng tôi xay.

Bao quanh làng các ngọn đồi đều đầy cả máy xay gió. Bên phải, bên trái, người ta chỉ thấy những cánh quạt quay theo ngọn gió tây bắc, vượt cao trên các hàng thông, từng lũy lửa con chở đầy các bao lên xuống dài theo các ngã đường và suốt tuần nghe trên đồi tiếng roi vút,

tiếng nghiền của tấm bố, và tiếng tắc họ của mấy người phụ xay bột mà vui thú vô cùng.

Chúa nhật, chúng tôi kéo từng đoàn đến các máy xay gió. Trên ấy, các người xay bột đãi chúng tôi rượu nho. Vợ họ đẹp như những bà hoàng với những chiếc khăn đăng ten cột ở cổ và những chiếc thánh giá vàng. Tôi thì tôi đem theo ống sáo và mọi người khiêu vũ cho đến tối đen. Ông thấy đấy, mấy máy xay gió đó là nguồn vui và thịnh vượng của xứ chúng ta.

Không may, mấy người Pháp ở Paris có ý định lập một nhà máy xay bột bằng hơi, trên con đường Trarascon. Đẹp lắm, mới lắm. Người ta đâm quen gởi lúa mì của mình đến cho chủ nhà máy hơi và tội nghiệp mấy máy xay gió không có việc làm. Trong một thời gian, chúng cố

chống chỏi, nhưng máy hơi mạnh hơn, và lần lượt, thương hại, chúng bắt buộc phải đóng cửa tất... Người ta không còn thấy mấy con lừa con đến nữa... mấy bà xay bột xinh đẹp bán đi những chiếc thánh giá vàng.... Không còn rượu nho! Không còn điệu vũ Farandole [Một điệu nhảy miền Provence, nhảy theo tiếng trống và người nhảy nắm lấy tay nhau.] ! Ngọn gió tây bắc có thổi mạnh, các cánh quạt vẫn im lìm....Rồi một ngày đẹp trời, làng triệt hạ tất cả những cơ sở kia và người ta trồng nho và ô liu thế vào.

Tuy vậy, giữa cơ suy tàn, một máy xay gió vẫn đứng vững và tiếp tục quay một cách can đảm trên gò cao của mình trước mắt bọn xay máy hơi. Đó là chiếc máy xay gió của lão Cornille, chiếc máy xay mà ta đang kể chuyện chiều nay.

Lão Cornille là một lão xay bột già từ sáu mươi năm sống trong nghề bột và búống bình vốn là bản tính. Việc xây cất các nhà máy xay hơi khiến cho lão gần như điên. Trong tám ngày, người ta thấy lão chạy khắp làng, hô hào mọi người quanh mình và la hét rằng người ta muốn đầu độc xứ Provence với bột của bọn nhà máy hơi.

Lão nói:

– Các người đừng đến đó. Để làm bánh mì, bọn cướp kia dùng đến hơi, một phát minh của quý sứ. Trong khi tôi, tôi làm việc với ngọn gió tây bắc và ngọn gió đông vốn là hơi thở của Thượng đế dịu lành....

Lão tìm được hàng tá lời lẽ đẹp đẽ như vậy để ca ngợi các máy xay gió, nhưng chẳng ai nghe lời lão cả.

Rồi điên cuồng giận dữ, lão ở lỳ trong máy xay và sống một mình như một con vật hung hãn. Lão không muốn giữ bên cạnh ngay cả đứa cháu gái Vivette, một đứa bé mười lăm tuổi từ khi cha mẹ chết chỉ còn có ông trên đời này....

Con bé vô phúc bắt buộc phải tìm cách sinh sống và làm mướn ở gần khắp nơi, trong các nông trại, vào mùa gặt, mùa nuôi tằm, mùa ô liu. Ấy thế mà ông cô ta có vẻ thương cô ta đáo đẽ. Thường khi, lão đi bộ những bốn dặm đường dưới trời nắng gắt để thăm cô ta, ở nông trại cô ta làm việc, và khi ở bên cháu, lão nhìn cháu mà khóc hàng giờ....

Trong vùng, người ta cho rằng lão xay bột già xua đuổi Vivette chẳng qua vì hà tiện. Và thật không danh dự chút nào cho lão, về việc bỏ mặc đứa cháu lê la từ nông trại này sang nông trại khác,

chịu đựng sự thô lỗ của bọn tôi tớ và tất cả những khốn khổ của mấy cô gái đi ở mướn. Người ta cũng thấy không đẹp chút nào về việc một người tên tuổi như lão Cornille, từ trước vẫn tự trọng bây giờ lang thang khắp ngã đường như một kẻ giang hồ chính cống, chân không, nón thúng, thất lung tôi tả...

Thật thì chúa nhật khi thấy lão vào dự lễ, chúng tôi, hạng già với nhau, chúng tôi xấu hổ giùm cho lão; và lão Cornille cũng có cảm giác rõ như vậy nên không dám đến ngồi trên hàng băng dành riêng cho những người trông nom nhà thờ nữa. Luôn luôn, lão ở tận cùng nhà thờ, cạnh bình nước Thánh, giữa những người nghèo.

Trong cách sống của lão Cornille có điều gì đó không được rõ ràng. Từ lâu, trong làng không ai đem lúa mì đến cho

lão nữa, thế mà mấy cánh quạt chiếc máy xay của lão vẫn quay đều như trước. Buổi tối, người ta gặp lão xay bột già trên các ngã đường, vừa lùa đi trước lão con lùa chở đầy những bao bột to.

– Chào cụ Cornille ạ – mấy bác nông phu nói to – máy xay vẫn chạy đều chứ?

Lão đáp bằng giọng vui vẻ:

– Vẫn chạy đều, các con ạ, nhờ trời chúng tôi không thiếu việc làm.

Rồi nếu người ta hỏi làm quái gì mà việc đến nhiều thế, lão đặt một ngón tay lên môi và nghiêm trọng đáp:

– Ấy đừng hỏi, tôi làm để xuất cảng.

Không bao giờ người ta hỏi thêm gì được.

Về việc ghé mắt vào máy xay của lão

thì đừng có hòng. Ngay con bé Vivette cũng không vào đó được...

Khi đi ngang, người ta thấy cánh cửa luôn luôn đóng, các cánh quạt to tướng luôn luôn chuyển động, con lừa già gặm cỏ trên sân thượng và một con mèo gầy to sưởi nắng trên khung cửa sổ và nhìn mọi người với vẻ hung ác.

Ngần ấy thứ có vẻ bí hiểm và làm cho mọi người nhỏ to rất nhiều. Mỗi người giải thích cái bí mật của lão Cornille theo ý kiến riêng của mình, nhưng theo phần đông thì trong máy xay gió kia có nhiều bao tiền hơn là bao bột.

Lâu sau, tuy vậy, điều bí ẩn vẫn được phác giác, như thế này đây:

Trong khi thối sáo cho bọn trẻ khiêu vũ, một ngày đẹp trời nọ, tôi nhận thấy

thằng con trai trưởng của tôi và con bé Vivette ngả ra yêu nhau. Trong thâm tâm, tôi không giận gì, vì dù sao cái tên Cornille vẫn được trọng vọng giữa chúng tôi, và cái con chim con xinh xắn Vivette mà lúp xúp trong nhà cũng làm tôi vui mắt....

Tôi muốn giải quyết câu chuyện ngay lập tức, và tôi lên đến máy xay để có vài tiếng với ông nội....Hừ, Cái lão quái ác thật! Mọi người mà thấy được cách lão tiếp tôi! Không làm sao cho lão mở cửa. Tôi cố hết sức nói rõ lý do của tôi qua lỗ khoá, và suốt lúc tôi nói, có con mèo gầy quái ác kia cứ thở như quỷ trên đầu tôi.

Lão già không để cho tôi có thời giờ nói hết, và la to với tôi một cách rất vô lễ độ là tôi cứ về mà ôm ống sáo của tôi; và nếu gấp cưới vợ cho con trai, tôi chỉ việc đến tìm bọn con gái ở nhà máy xay.....

Ông nghĩ, nghe những lời xấu xa kia, tôi cứ lộn gan lên, nhưng dù sao tôi vẫn đủ khôn ngoan để dần lại, và bỏ mặc lão già điên trong cái máy xay của lão, tôi trở về cho bọn trẻ biết sự thất bại nhục nhã của mình...

Thương hại chúng quá ngây thơ, không tin như thế được. Chúng xin tôi như một đặc ân là cho hai đứa cùng lên trên máy xay để nói với ông. Tôi không đủ can đảm từ chối và a lê húp bọn si tình của tôi ra đi.

Chúng lên đến trên ấy đúng ngay vào lúc lão Cornille vừa đi khỏi. Cửa đã khoá trái, nhưng khi đi, lão để cái thang bên ngoài và bọn trẻ nẩy ra ngay ý định vào trong bằng cửa sổ, để xem qua bên trong máy xay kỳ khôi đó có những gì.

Điều lạ lùng! Phòng của máy xay trống trơn... Không có một bao, không có một hột lúa; không có tí bột dính trên tường hay trên mấy tấm màn nhện... Người ta cũng không nghe được mùi thơm nóng của lúa mì nghiền nát đượm trong các máy xay... Cây cột chính phủ đầy bụi và con mèo to gầy ngủ trên ấy.

Căn dưới cũng cùng một vẻ nghèo nàn và hoang vắng: một cái giường tồi tàn, vài giẻ rách, một mẩu bánh mì trên nấc thang gác, và trong một góc ba bốn bao đã xé tét, từ trong ấy đổ ra những vôi hồ vụn và đất trắng.

Đó là bí mật của lão Cornille! Chính những vôi hồ vụn đó đã được lão đưa đi trên các ngã đường buổi tối, để cứu vãn danh dự máy xay và làm cho người ta tin rằng lão vẫn xay bột trong ấy.... Thương hại máy xay! Thương hại lão Cornille!

Từ lâu, các người nhà máy xay hơi đã cướp mất của họ mỗi hàng cuối cùng. Các cánh vẫn cứ quay, nhưng máy xay trống rỗng.

Bọn trẻ ứa nước mắt trở về kể tôi nghe những gì chúng đã thấy. Nghe chúng mà tim tôi se thắt... Không mất một phút, tôi chạy đến những người láng giềng, vắn tắt thuật câu chuyện cho họ và chúng tôi đồng ý phải lập tức đem đến máy xay của lão Cornille tất cả những lúa mì thứ tốt nhất có trong nhà... Nói rồi là làm ngay. Cả làng lên đường và chúng tôi lên đến trên ấy với một đoàn lừa chở đầy lúa mì, thứ lúa mì thật.

Máy xay đang mở rộng. Trước cửa, lão Cornille ngồi trên một bao vôi vụn khóc tím tím, hai tay ôm đầu. Về nhà, lão vừa nhận thấy trong lúc lão đi vắng,

người ta đã vào nhà lão và thấu rõ điều bí mật đáng buồn của lão.

Lão nói:

– Khổ cho tôi chữa! Bây giờ tôi chỉ có chết. Danh dự máy xay đã ô uế rồi.

Và lão nức nở nghe đến não ruột. Lão gọi máy xay bằng tất cả các loại tên, nói với nó như một người thật.

Ngay lúc ấy, đoàn lừa đến trên nóc nhà bằng và tất cả chúng tôi kêu thật to lên như những ngày tốt đẹp nào của những người xay bột.

– Ồi, máy xay. Ồi, lão Cornille!

Và thế rồi mấy cái bao chất đồng trước cửa, và hạt lúa hung đẹp rải trên mặt đất, khắp tứ phía.

Lão Cornille giương to mắt. Lão bốc lúa trong lòng bàn tay già của mình. Lão nói, cười khóc chen lẫn.

– Lúa đây mà, Chúa ơi. Lúa chính cống, để đó tôi, để tôi nhìn nó.

Rồi quay về chúng tôi:

– Tôi biết rõ thế nào các người cũng trở lại với tôi...Bọn máy xay kia đều là những thằng ăn cắp.

Chúng tôi muốn công kênh lão về làng:

– Không, không, các con ạ. Trước tiên tao phải đi cho máy xay của tao ăn đã. Các con thử nghĩ, lâu quá rồi nó có gì dính răng đâu.

Và chúng tôi rưng rưng nước mắt nhìn lão già đáng thương quay bên tả,

xoay bên hữu. Xẻ mấy bao, trông chừng máy xay trong khi hạt lúa nát nghiền và bụi lúa nhuyễn bay vờn lên trên trần.

Phải nhìn nhận là nhờ chúng tôi. Từ ngày ấy, chúng tôi không bao giờ để cho lão xay bột già phải thiếu việc. Rồi một sáng, lão Cornille chết, và mấy cánh quạt chiếc máy xay gió cuối cùng của chúng ngưng quay. Cornille chết rồi, không ai kế nghiệp. Biết sao bây giờ, thưa ông. Tất cả đều có lúc chấm dứt trên đời này, và cần phải tin rằng thời kỳ của máy xay gió đã qua như thời kỳ xe nước trên sông Rhône, viện đại biểu hàng tỉnh và những chiếc quần hoa to.

NHỮNG VÌ SAO

LES ÉTOILES

hời tôi chán thú trên ngọn Luberon, tôi ở trên ấy hằng mấy tuần tròn mà chẳng thấy một ai, cô quạnh trên cánh đồng cỏ với con chó Labri và bầy dê. Thỉnh thoảng vị tu sĩ Mont de l'Ure đi ngang qua đó để tìm vài giống cây thuốc, hoặc tôi thấy được gương mặt đen đúa của một người làm than ở Piémont nào đó, nhưng họ là những người khô khạo, lạnh lẽ vì quá cô đơn, họ đã mất cái

thú chuyện trò và không biết gì về những chuyện người ta nói dưới các làng, dưới các đô thị.

Vì thế mỗi nửa tháng, khi tôi nghe trên con đường dốc, tiếng chuông của con lửa ở nông trại đem đến tôi lương thực của nửa tháng, và khi tôi thấy hiện lên dần dần trên sườn đồi gương mặt vui vẻ của thằng bé ở nông trại, hay bộ tóc hung đỏ của bà dì già Norade, tôi thật lấy làm sung sướng vô cùng. Tôi bảo kể lại tôi nghe những tin tức của miền dưới ấy, những buổi lễ rửa tội, những đám cưới, nhưng điều khiến tôi chú ý hơn cả là biết xem cô con gái của chủ chúng tôi, cô Stéphanette, hiện giờ ra sao, cô là người xinh đẹp nhất trong mười dặm chung quanh.

Không làm ra vẻ chú ý lắm, tôi hỏi thăm coi nàng có thường đi chơi các cuộc

lễ, các buổi họp đêm không, có thêm bọn si tình nào đến luôn không. Và với những người sẽ hỏi tôi mấy chuyện đó ăn thua gì đến tôi, một kẻ chần dè trên núi, nghèo kém, tôi sẽ trả lời rằng tôi đã hai mươi tuổi và cái cô Stéphanette đó là những gì đẹp nhất tôi từng thấy trong đời.

Thế nhưng, một ngày Chúa nhật nọ, tôi đợi lương thực của nửa tháng mãi mà không thấy. Buổi sáng tôi tự bảo:

– Lỗi tại buổi lễ lớn rồi.

Rồi khoảng mười hai giờ trưa, trời đổ mưa to và tôi nghĩ có lẽ lửa không thể đi được vì đường sá lầy lội.

Cuối cùng khoảng ba giờ, trong sáng, núi lấp loáng ánh nước và ánh nắng, tôi nghe giữa tiếng nước điểm trên lá và

tiếng suối đổ tràn đầy, có tiếng chuông lửa vui vẻ, dí dỏm như một hồi chuông dòn tan một ngày lễ Phục sinh. Nhưng không phải thằng bé ở nông trại, cũng không phải là bà dì Norade ngồi trên lưng lừa, mà là – các bạn đoán thử xem ai – cô chủ chúng tôi, các bạn ạ! Đích thân cô chủ chúng tôi ngồi ngay ngắn giữa các giỏ mây, hồng hào vì khí núi và vì cơn mát của trận mưa to.

Thằng bé đau, bà dì Norade nghỉ mát ở nhà con cái. Người đẹp Stéphanette cho tôi biết tất cả những điều đó trong lúc xuống lừa, và với nữa nàng đến trễ là vì nàng lạc mất đường. Nhưng nhìn cách ăn mặc vô cùng diêm dáng với thắt lưng hoa, cái váy sáng chói cùng đăng ten, nàng như đã lưu lại một buổi khiêu vũ nào hơn là tìm đường trong các bụi cây. Chao, con người dễ thương làm sao?

Mắt tôi nhìn nàng mãi mà không chán. Thật ra tôi chưa hề thấy nàng gần như thế này. Thỉnh thoảng vào mùa đông, khi bầy thú đã xuống cánh đồng. Và buổi tối, tôi trở về nông trại để ăn, nàng thoăn thoắt đi ngang qua gian phòng, không hề ngỏ chuyện với đám tôi tớ, luôn luôn trang điểm và hơi kiêu hãnh....Và bây giờ tôi có nàng đứng trước mặt tôi, chỉ riêng tôi thôi, làm sao đầu óc tôi không quay cuồng được.

Khi rút các thức ăn trong giỏ ra xong, Stéphanette bắt đầu tò mò nhìn quanh mình. Hơi nhấc chiếc váy đẹp ngày Chúa nhật lên sợ hỏng, nàng bước vào vòng rào, tỏ ý muốn thấy nơi tôi ngủ, cái máng cỏ rơm với da trều, cái áo phủ đầu to của tôi móc trên vách, cây gậy, cây súng bắn đá. Tất cả những thứ ấy khiến nàng vui thích.

– Ra anh ở đây à, anh chăn dê, tội nghiệp! Lẽ loi mãi chắc anh buồn lắm. Anh làm gì? Anh nghĩ gì?

Tôi rất muốn trả lời: “Nghĩ đến cô, cô ơi” và đó không phải là tôi nói dối, nhưng sự xao xuyến ở tôi mạnh quá, tôi không tìm được một lời. Tôi rất tin là nàng nhận thấy điều đó, và cái cô quái ác lại thích làm cho tôi thêm bối rối bằng những sự ranh mãnh của mình....

Và chính nàng lúc nói với tôi, nàng có vẻ là bà tiên Estérelle, có nụ cười xinh xắn của cái đầu ngựa ra sau, và sự hồi hải ra đi của nàng khiến cuộc viếng thăm như một sự xuất hiện thần tiên.

– Chào anh chăn dê!

– Chào cô ạ!

Và rồi nàng ra đi, mang theo mấy cái giỏ không.

Khi nàng mất dạng trên các ngã đường dốc, tôi cảm thấy những hòn đá sỏi lăn dưới vó lừa, như rơi vào tim tôi từng hòn một. Tôi nghe chúng rất lâu, rất lâu; và cho đến cuối ngày, tôi chờ ra như say ngủ, không dám cử động sợ rằng giấc mơ của tôi tan đi. Buổi chiều, khi đáy đồi bắt đầu trở màu xanh đậm, và mấy con vật kêu luôn mồm, nép sát vào nhau để tiến vào vòng rào, tôi nghe có tiếng người gọi tôi dưới chiều dốc, và tôi thấy cô chủ của chúng tôi hiện ra, không tươi cười như lúc nãy mà run lập cập vì lạnh, vì sợ, vì ướt đẫm.

Hình như dưới triển đồi nàng đã gặp dòng Sorgue tràn ngập bởi trận mưa to và vì muốn cố hết sức qua sông, nàng đã suýt phải chết chìm. Điều kinh khủng là

vào giờ đêm này, không nên tính chuyện trở về nông trại nữa; vì ngả đi tắt cô chủ chúng tôi không tài nào đi một mình tìm ra được, còn tôi thì không thể rời bầy thú. Ý nghĩ ngủ đêm trên núi này khiến nàng khổ tâm lắm, nhất là vì sợ người nhà lo lắng. Tôi thì tôi cố gắng nói cho nàng yên dạ:

– Tháng bảy đêm ngắn cô ạ....Rồi cũng chỉ là một lúc khó chịu mà thôi...

Rồi tôi nhóm mau một ngọn lửa to để hơ chân nàng và chiếc áo ướt đầm nước sông Sorgue. Kế, tôi đem sữa, pho mát sữa dê cho nàng, nhưng cô gái đáng thương không nghĩ đến chuyện sưởi, chuyện ăn và nhìn những giọt nước mắt to ngấn trong mắt nàng, cả tôi cũng đắm đuối khóc.

Trong khi ấy, đêm đã xuống hẳn. Chỉ còn trên các đỉnh núi một hạt bụi nắng, một hơi ánh sáng về phía mặt trời lặn. Tôi muốn cô chủ chúng tôi vào nghỉ trong vòng rào. Sau khi trải trên lớp rơm tươi một tấm da đẹp, mới tinh khô, tôi chúc nàng ngủ ngon, rồi tôi đến ngồi bên ngoài trước cửa.....Thình lình tấm phen vòng rào mở ra và người đẹp Stéphanette hiện lên. Nàng không tài nào ngủ được. Mấy con vật cựa quậy khiến lớp rơm xào xạc hay kêu om trong giấc mộng. Nàng thích đến gần đống lửa hơn. Thấy thế, tôi vắt lên vai nàng một tấm da dê, khơi thêm ngọn lửa và chúng tôi ngồi cạnh bên nhau, không nói gì.

Nếu có bao giờ các bạn ngủ đêm ngoài trời, bạn tắt rõ vào lúc chúng ta ngủ, cả một thế giới huyền bí dậy lên trong cô quạnh và im lặng. Rồi suối reo

dòn hơn, ao hồ bùng cháy những ngọn lửa con. Tất cả linh hồn của miền núi đi lại tự do và trong không khí có những tiếng cọ sát, những tiếng tai không nghe được, không khác gì người ta nghe cành cây lớn dần, cỏ mọc lên. Ngày là đời sống của động vật nhưng đêm là đời sống của sự vật. Khi người ta không quen, điều đó làm cho sợ.

Vì thế, cô chủ chúng tôi run rẩy cả người và nép sát vào tôi mỗi khi có tiếng động nào. Có một lần, một tiếng kêu dài, buồn bã, phát xuất từ cái ao ngồi sáng dưới kia, lên đến phía chúng tôi, gờn gợn âm ba. Ngay cùng lúc ấy, một ngôi sao rơi đẹp lướt trên đầu chúng tôi cùng một hướng, không khác nào tiếng rên rĩ mà chúng tôi vừa nghe, mang theo mình một tia sáng.

Stephanette khẽ hỏi tôi:

– Gì thế?

– Thưa cô, một linh hồn vào thiên đường – Và tôi làm dấu thánh giá.

Nàng cũng làm dấu theo, và ngừng đầu lên tưởng niệm thành kính trong một lúc. Rồi nàng hỏi tôi:

– Thế quả thật các anh là phù thủy, hớ anh chần dề?

– Không đâu, thưa cô. Nhưng ở đây, chúng tôi sống gần các vì sao hơn và chúng tôi biết những gì xảy ra trên ấy rành hơn những người dưới đồng bằng.

Nàng vẫn nhìn trên cao, đầu tựa vào bàn tay, mình phủ áo da trều như một tiểu mục đồng.

– Sao lắm sao thế? Đẹp thật! Tôi chưa từng thấy nhiều như vậy. Anh có biết tên

chúng không, anh chặn dê?

– Biết chứ thưa cô. Đây này, ngay trên đầu chúng ta đó là Con đường của thánh Jacques (giải Ngân hà). Nó đi từ nước Pháp thẳng đến Tây ban Nha. Chính thánh Jacques de Galice đã vạch nó chỉ đường cho Charlemagne dừng cảm, khi ông đánh nhau với người Sarra-sins. Xa hơn, ta thấy Chiếc xe linh hồn (Bắc đẩu), có bốn cái cột xe sáng ngời. Ba ngôi sao đi phía trước là Ba con vật và ngôi sao bé tí cạnh bên ngôi sao thứ ba là Người đánh xe. Cô có thấy chung quanh, đám mưa sao rơi xuống không? Đó là những linh hồn mà Thượng đế không muốn nhận vào Thiên đường.... Thấp xuống một chút, là Lưỡi bừa hay Ba vua (sao Orion). Chúng tôi ấy, chúng tôi lấy làm đồng hồ. Chỉ nhìn chúng, tôi biết bây giờ đã quá nửa đêm.

– Thấp xuống chút nữa, vẫn ở phía Nam là ngôi sao Jean de Milan sáng ngời, Ngọn đuốc các hành tinh (Sirius). Về ngôi này, các người chẵn dê kể lại chuyện như sau. Hình như một đêm nọ, Jean de Milan với Ba vua và Lồng gà con (sao Rua) được mời dự lễ cưới một ngôi sao bạn họ – Lồng gà con gấp hơn – theo người ta nói ra đi trước hết và đi trên đường cao. Cô xem nó kìa trên cao, ở tận đáy vòm trời ấy. Ba vua chẵn ngang ở dưới và bắt kịp nó, nhưng cái anh Jean de Milan biếng nhác vì ngủ trễ quá nên ở lại đằng sau chót và giận dữ, để ngăn bọn kia, mới ném họ cây gậy của mình. Chính vì vậy mà Ba vua còn gọi là Cây gậy của Jean de Milan. Nhưng đẹp nhất trong các vì sao, cô ạ, là ngôi sao của chúng tôi, sao Kẻ chẵn dê, soi sáng chúng tôi lúc rạng đông khi chúng tôi lừa thú ra đồng và cả buổi tối khi chúng tôi xua thú về.

Chúng tôi gọi nó là Maguelonne, người đẹp Maguelonne đeo đuổi theo Pierre de Provence (Saturne) và lấy nhau với anh này mỗi bảy năm.

– Ô hay! Có cả đám cưới sao à, anh chần dê?

– Có chứ, cô.

Và đang khi tôi cố giải thích cho nàng là thế nào là đám cưới sao, tôi cảm thấy một cái gì tươi mát và mỏng manh đè nhẹ lên vai tôi. Đó là chiếc đầu nặng trĩu vì giấc ngủ, nàng đã tựa vào tôi với tiếng va chạm đáng yêu của giải lụa, của ren và của làn tóc gợn. Nàng để nguyên như vậy không lay động cho đến lúc các vì sao trên trời nhật đi, mờ đi vì ngày sắp đến. Tôi, tôi nhìn nàng ngủ, hơi xao xuyến tận đáy lòng, nhưng được che chở một cách thiêng liêng bởi cái đêm trong sáng vẫn

luôn luôn đem cho tôi những cảm nghĩ tốt đẹp. Quanh chúng tôi, các vì sao tiếp tục cuộc hành trình lặng lẽ của chúng, ngoan ngoãn như một bầy thú đông đảo. Và từng lúc, tôi hình dung ra, một trong những ngôi sao kia, đẹp nhất, sáng nhất, lạc mất đường đã đến tựa vào vai tôi để mà ngủ....

CON LỪA CỦA GIÁO CHỦ

LA MULE DU PAPE

Trong tất cả những tục ngữ ngộ nghĩnh, những cách ngôn hay phương ngôn mà dân quê miền Provence chúng ta tô điểm lời lẽ của họ, tôi không biết được câu nào thú vị hơn và kỳ lạ hơn câu này. Ở mười lăm dặm chung quanh chiếc máy xay gió của tôi, khi nói đến một người nào hay nhỏ mọn, thù hằn người ta bảo:

– Cái người ấy, các bạn hãy để phòng....Hắn như con lừa của Giáo chủ giữ bảy năm cú đá...

Tôi tìm rất lâu xem câu cách ngôn ấy có thể từ đâu tới, con lừa của Giáo chủ kia và cú đá giữ trong mười năm trời nọ là gì. Không ai ở đây có thể cho tôi biết về cơ tích đó, ngay lão Francet Maimai – người thối sáo – bạn tôi, vốn rành chuyện cổ miền Provence lắm như cháo. Francet, như tôi, cho là bên trong có một câu chuyện xưa nào đó của xứ Avignon nhưng bao giờ lão cũng chỉ nghe nó nói qua câu ngạn ngữ. Lão thối sáo già cười bảo tôi:

– Ông sẽ chỉ tìm ra chuyện đó trong thư viện Con Ve mà thôi.

Ý nghĩ này tôi thấy hay và nhân thư viện Con Ve ở cạnh cửa nhà, tôi đến giam

mình trong suốt tám hôm.

Đó là một thư viện tuyệt diệu, đầy đủ một cách đáng khen, đêm ngày mở cửa cho các thi sĩ và được coi sóc bởi những quản thủ thư viện bé nhỏ mang phèng la chơi nhạc cho bạn suốt buổi. Tôi sống qua tại đây mấy ngày vui thú và sau một tuần lễ tìm tòi – nằm ngả người ra – cuối cùng tôi phác giác được điều tôi muốn, nghĩa là câu chuyện con lừa và cú đá cừ khôi giữ suốt bảy năm trời nọ. Cốt chuyện xưa ấy ngộ nghĩnh, tuy có hơi ngây ngô và cố kể nó lại với các bạn, hệt như tôi đã đọc sáng qua trong một bản thảo màu bạc thếp thơm mùi long não khô có những sợi chỉ to làm dây dẫu.

Ai không thấy xứ Avignon thời các Giáo chủ⁴ là không thấy gì hết. Nói về

4 Từ năm 1309 – 1378 các Giáo chủ đặt toà Thánh tại Avignon.

sự vui vẻ, sự sống, sự nhộn nhịp, những cuộc lễ lạc, không hề có thành phố nào bằng. Từ sáng đến tối ròng những buổi diễu hành, những cuộc hành hương, những ngã đường ngổn ngang hoa, phủ khảm cao, những thuyền cập bến của các Hồng y ở sông Rhône, cờ tung gió, thuyền tung hoành vẽ vờ, lính của Giáo chủ ca tiếng La tinh trên các công trường, những bánh xay gió nhỏ của các huynh khát sĩ; rồi từ cao xuống thấp các gian nhà chen lẫn nhau rì rầm quanh cung điện to lớn của Giáo chủ, không khác nào những con ong vây chung quanh tổ, cũng lại có tiếng tích tắc của các guồng máy ren, tiếng qua lại của những chiếc thoi đan vàng lên các áo lễ phủ ngoài, những chiếc búa con của những người cửa bình, những bản âm tiết người ta lên dây ở những hiệu thợ đàn, và vượt trên hết tiếng máy quả chuông và luôn

luôn vài tiếng trống người ta nghe khua ở đằng kia, phía cầu.

Bởi ở xứ chúng ta, khi dân chúng vừa lòng, họ cần phải nhảy, họ cần phải múa; và vì vào thời kỳ đó, đường thành phố hẹp quá đối với điệu Farandole, mấy tay thối sáo, đánh trống bèn đến đóng trên cầu Avignon, dưới làn gió mát của sông Rhône, và đêm ngày, người ta nhảy ở đó, người ta múa ở đó... Chao, thú sung sướng! Thành phố sung sướng làm sao! Có những cây thương không đâm chém, những khám đường nơi người ta cho rượu uống để giải khát. Không hề có nạn đói, không hề có chiến tranh... Ấy, các Giáo chủ biết cai trị dân của họ như thế đấy! Ấy, tại sao dân của họ mến tiếc họ nhiều!...

Nhất là có một ông Giáo chủ, một ông lão hiền lành người ta gọi là Boni-

face... Ô – ông ấy – sao mà có lắm giọt nước mắt người ta rơi. Đó là một ông bụt dễ mến làm sao, niềm nở làm sao! Ngồi trên lửa cao, ông cười với các bạn lành làm sao. Và khi bạn đi qua bên ông – dù bạn là một anh kéo cỏ nhỏ bé nghèo hèn hay là ông toà cao trọng trong thành phố – ông ban phúc cho bạn lễ phép vô cùng. Một ông Giáo chủ Yvetot⁵ thật sự, nhưng một Yvetot miền Provence với một cái gì tế nhị trong nụ cười, một cọng cây kinh giới trên mũ tu của ông.

Mỗi Chúa nhật, khi xong buổi đọc kinh ông lão khả kính đến viếng thăm vườn nho của mình – một vườn nho nhỏ, đích thân ông trồng cách Avignon ba dặm, ở giữa những cánh sim của vùng Château Neuf, và khi ông ở trên đó rồi, ngồi dưới ánh nắng ấm, con lửa

5 Thành phố Normandie, ám chỉ đến một bài ca danh tiếng của Béranger nói về một ông vua hiền lành.

bên cạnh ông, các Hồng y của ông nằm chung quanh dưới chân mấy gốc cây nhỏ, bấy giờ ông cho mở một chai rượu bốn xứ – thứ rượu ngon kia, màu hồng ngọc, và từ khi ấy được gọi là rượu Château Neuf của các Giáo chủ – và ông nhấp từng ngụm rượu, mắt nhìn vườn nho của mình với một vẻ triu mến. Rồi, chai cạn, chiều xuống, ông vui vẻ trở về thành phố, theo sau là tất cả đoàn tùy tùng, và khi ông đi ngang trên cầu Avignon, giữa tiếng trống, những điệu nhảy, con lừa của ông, phấn chấn lên vì điệu nhạc mới nhảy nhót đưa hai chân hơn cao một bên. Trong khi chính ông, ông đánh nhịp bước nhảy bằng cái mũ, điều này làm cho các ông Hồng y rất lấy làm xấu hổ, nhưng khiến tất cả mọi người nói:

– Chà, ông ấy tốt quá, đức Giáo chủ tử tế quá.

Sau vườn nho ở Château Neuf, vật mà Giáo chủ yêu thương nhất trên đời này là con lừa của ông. Ông lão say mê con vật ấy lắm. Mỗi chiều tối, trước khi đi nằm, ông đến xem chuồng nó có đóng kỹ chưa, có thiếu gì trong máng ăn của nó không và không bao giờ ông rời khỏi bàn ăn mà không bảo làm ngay, dưới mắt ông một tô rượu to với nhiều đường và cây thơm, đích thân ông mang để cho lừa, mặc kệ sự phản đối của các ông Hồng y....

Cũng cần phải nói là con lừa đáng được săn sóc như thế. Đó là một con lừa xinh xắn đen, có đốm đỏ, chân vững, lông ngời, mông rộng và đầy đặn, cái đầu nhọn khô ráo ngạo nghễ, thẳng đầy gù, mõi thắt, lục lạc bạc, túi con; lại còn dịu hiền như một thiên thần, mặt ngây dại và hai cái tai dài luôn luôn lay động đem

đến cho nó một vẻ trẻ con hiền lành. Tất cả vùng Avignon kính mến nó, và không có sự đối đãi miễn nở nào mà người ta tiếc với nó, vì ai cũng biết rằng đó là cách hay hơn hết để chiếm cảm tình Giáo chủ, và dưới vẻ ngây thơ của nó, con lừa của Giáo chủ đã đem sự nghiệp đến cho hơn một người rồi, bằng chứng là Tistet Védène và câu chuyện phi thường của tên này.

Tên Tistet Védène nguyên là một đứa trẻ mất dạy, trơ tráo, bị cha, nhà điêu khắc vàng Guy Védène, bắt buộc đuổi ra khỏi cửa vì nó chẳng chịu làm gì cả và phá rối cho các anh tập sự phải bỏ sở. Trong sáu tháng trời, người ta thấy nó kéo lê áo trên tất cả các rãnh nước của Avignon, nhưng đặc biệt là phía nhà Giáo chủ; vì từ lâu tên bất lương, có rắp tâm về con lừa của Giáo chủ và các bạn sẽ thấy đó là

cái gì quý quý. Một hôm Thánh thể dạo chơi một mình dưới các tường thành với con lừa, thì tên Tistet của tôi đến trước mặt Người, và nói với Người mà hai tay chấp lại với vẻ thán phục:

– Chà – trời ơi – Đức Thánh Cha cao cả, Ngài có con lừa tốt quá... Xin ngài cho con nhìn nó một chút. Chà, thưa Giáo chủ, con lừa đẹp thật... Hoàng đế Đức quốc không có con nào bằng con này...

Và nó vuốt ve lừa và nó dịu dàng nói với lừa như với một tiểu thơ:

– Đây này, cưng của anh, vàng của anh, ngọc quý của anh.

Ông Giáo chủ hiền lành cảm động quá, tự nhủ:

– Thằng nhỏ thật tốt Sao mà nó dễ thương với con lửa của ta thế!

Và rồi hôm sau, các bạn biết chuyện gì xảy ra không? Tistet Védène đánh đổi chiếc áo cũ vàng của mình với một chiếc áo dài đẹp bằng đăng ten, một chiếc áo choàng bằng lụa tím, đôi giày có khoanh, và nó bước vào trường Thánh nhạc nơi mà trước nó người ta chỉ tiếp nhận con trai các nhà quý phái, các Hồng y....Câu chuyện lương lậu là như thế ấy... Nhưng Tistet không dừng lại ở chỗ đó.

Một khi đã vào giúp việc cho Giáo chủ, tên bất lương tiếp tục cái trò nó đã thành công mỹ mãn. Hồn láo với mọi người, nó chỉ niềm nở sẵn đón con lửa, và luôn luôn người ta gặp nó đi ngoài sân cung điện với một nắm lúa hay một bó cây long đảm, nó nhè nhẹ rẩy những chùm hồng, mắt nhìn bao lơn Đức Thánh

Cha với vẻ muốn hỏi:

– Hở, cho ai đây?

Mãi mãi cho đến sau rốt ông Giáo chủ hiền lành, cảm thấy mình già đi, mới để cho nó cái việc trông nom chuồng lừa và mang đến cho lừa tô rượu của nó; điều này không làm cho các ông Hồng y cười nữa.

Con lừa điều này cũng không làm cho nó cười... Bây giờ, đến giờ rượu của nó, nó luôn luôn trông thấy có năm sáu tên học trò nhỏ của trường Thánh ca đến chuồng nó, chúng vội vàng chui vào trong rơm cùng với áo choàng, với ren của chúng; rồi một lát sau, một mùi ngon lành của đường cùng cỏ thơm ngào ngạt chuồng, và Tistet Védène hiện ra thận trọng mang tô rượu. Bấy giờ cái việc đau đớn của con vật vô phúc bắt đầu.

Thú rượu thơm mà nó thích biết mấy, khiến cho nó nóng, khiến cho nó phờ phới, người ta đành tâm mang đến cho nó ở đó, trong cái máng của nó, cho nó thở hơi; rồi khi mà mũi nó đẩy những hơi rượu rồi, thì rượu sắc lửa hồng đẹp để chảy hết vào trong cổ họng mấy tên quái kia.

Còn nữa, nào chúng chỉ có ăn cắp rượu của nó đâu; mà chúng như những con quỷ, tất cả những tên học trò nhỏ đó, khi chúng uống rượu xong... Đứa kéo tai nó, đứa kéo đuôi. Quiquet leo lên lưng nó, Béluguet thử đội mũ cho nó và không tên nào trong đám mất dạy nghĩ rằng: một cái hất mạnh hay một cái húc, con vật hiền lành đã có thể tổng chúng hết lên đến sao Bắc cực và ngay còn xa hơn nữa... Nhưng không, làm con lừa của Giáo chủ có phải dễ đâu, con lừa của

phép lành và hỉ xả kia mà! Bọn trẻ có làm thế nào, lửa cũng không giận, chỉ với Tistet Védène là nó lấy làm hiềm khích... Tên ấy, chẳng hạn, khi lửa cảm thấy nó ở đằng sau mình, lửa ngửa ngáy vó và điều này thì hẳn nhiên rồi. Tên Tistet mất dạy đó chơi lửa nhiều cú ác quá. Nó có những ý định tàn nhẫn hết sức khi nhậu xong...

Một hôm, nó há chẳng nảy ý đem lửa cùng đi với nó lên trên cao, tới tháp chuông con của trường Thánh nhạc, trên cao, tít ở mũi nhọn của cung điện... Và điều tôi kể các bạn đây không phải là một chuyện láo, hai trăm ngàn người Provencaux trông thấy nó. Các bạn hãy tưởng tượng, sự hãi hùng của con vật khốn nạn. Lúc mà, sau khi dò dẫm quanh co suốt một tiếng đồng hồ trong một cầu thang tròn ốc và leo không biết bao nhiêu là

bạc thang, lừa thoát cái thấy mình đứng trên một nóc nhà bằng chói chan ánh sáng, và ba trăm mấy mươi thước phía dưới. Lừa trông thấy cả một vùng Avignon quái đản, mấy cái lều chợ không to hơn hạt đậu, mấy người lính của Giáo chủ trước trại của họ, không khác nào những con kiến đỏ. Và đằng kia, trên một sợi chỉ bạc, một cái cầu nhỏ li ti, nơi người ta nhảy, nơi người ta múa. Thương hại con vật! Thật là hoảng vía, tiếng lừa kêu thét lên, làm tất cả cửa kiếng cung điện đều rung chuyển.

Ông Giáo chủ hiền lành đâm bổ đến bao lớn hỏi to:

– Chuyên gì thế? Ai làm gì nó thế?

Tistet Védène đã ở ngoài sân, làm ra vẻ khóc lóc và bút tai bút tóc.

– Ôi! Đức Thánh cha cao cả, chuyện gì à? Chuyện con lừa của ngài. Trời ơi, rồi chúng ta ra sao đây? Chuyện con lừa của ngài lên trên tháp chuông.

– Một mình à?

– Phải, thưa Đức Thánh cha, một mình... Này, ngài hãy trông nó, ở trên cao kia... Ngài hãy trông đầu tai lừa ló ra?... Người ta tưởng như là hai con én.

Ông Giáo chủ đáng thương, ngừng mắt lên nói:

– Khổ!... Nó điên mất rồi hay sao? Mà nó sắp chết mất... Mà có chịu xuống không, hờ con khốn?

Hừ, nó không yêu cầu gì hơn. Nó ấy, bằng cái việc xuống... Nhưng xuống ngã nào? Cầu thang ư? Không nên nghĩ đến chuyện này: nó còn lên cao nữa, cái ngừ

ấy; nhưng khi xuống, đủ để mà gãy chân đến trăm lượt... Con lừa khốn nạn lấy làm buồn khổ và trong khi quanh quẩn trên nóc nhà bằng, với đôi mắt to choáng váng cả lên. Nó nghĩ đến Tistet Védène:

– À! Tên cướp, nếu tao mà thoát khỏi đây được... mai mày sẽ biết cú đá của tao.

Ý nghĩ cú đá đó khiến cho nó bình tĩnh được đôi chút, không thể nó không tài nào đứng vững được... Cuối cùng người ta đem nó xuống bằng một con đội, những sợi dây, và một cây cán. Và các bạn thử nghĩ, xấu hổ biết mấy cho con lừa của Giáo chủ khi thấy mình bị treo trên cao ngán ấy, chân bơi trong khoảng không như một con bọ rầy ở đầu dây. Và tất cả Avignon đang nhìn nó.

Đêm, con vật khốn nạn không ngủ

được vì chuyện trên. Nó luôn luôn như thấy nó quay đi quay lại trên nóc nhà bằng khốn nạn kia, giữa những tiếng cười của thành phố phía dưới. Rồi nó nghĩ đến tên Tistet Védène khốn nạn và cú đá đích đáng mà nó sẽ tổng cho Tistet sáng mai. Chà, các bạn phải biết cú đá đó! Từ Pampérigouste, người ta sẽ trông thấy được hơi khói của nó...

Thế nhưng, trong khi người ta sửa soạn tiếp đón nó nồng hậu như thế ấy ở chuồng, các bạn có biết Tistet Védène làm gì không? Nó xuôi dòng sông Rhône miệng ca hát, trên một chiếc thuyền của Giáo chủ và đến triều đình Naples, với một toán những nhà quý phái trẻ tuổi mà hàng năm thành phố phái đến bên cạnh Hoàng hậu Jeanne⁶ để học tập việc ngoại giao và những phép tắc lịch sự.

6 Jeanne đệ nhất, Hoàng hậu thành Naples từ 1343 – 1382, bà đã bán miền Avignon cho Giáo chủ với giá 70.000 florins.

Tistet không phải quý phái; nhưng Giáo chủ khẳng khẳng tưởng thưởng nó việc nó săn sóc con lừa của ông, và nhất là hành động nó vừa thi thố trong ngày cứu lừa.

Chỉ con lừa là hôm sau lấy làm thất vọng.

Lừa giận dữ lắc mạnh đám lục lạc nghĩ: “À tên cướp, nó nghi ngờ điều gì rồi... Nhưng không hề gì, đi đi, tên vô lại. Khi trở về mày sẽ gặp nó, cú đá của mày ấy.... tao giữ nó cho mày”

Và lừa giữ nó cho Tistet.

Sau khi Tistet ra đi, con lừa của Giáo chủ tìm lại được đà sống bình thản và những dáng đi ngày trước. Không còn Quiquet, không còn Béluguet ở chuồng nữa. Những ngày đẹp với rượu ngon

trở về và với chúng, sự vui tính, những giấc ngủ trưa dài và bước đi nhỏ nháy nhót khi nó đi ngang trên cầu Avignon. Tuy thế, từ khi xảy ra câu chuyện, trong thành phố luôn luôn người ta tỏ ra hơi lạnh nhạt đối với lửa. Trên đường nó đi, có những tiếng thì thầm; mấy người lớn tuổi gật gật đầu và trẻ con cười, trỏ nhau tháp chuông con. Ngay ông Giáo chủ hiền lành cũng không tin tưởng nhiều ở người bạn thân của mình nữa, và ngày Chúa nhật ông ấy nhè ngủ quên đi một lúc ngắn trên lưng lửa khi ở vườn nho về, ông luôn luôn có ẩn ý này:

– Nếu rồi ta sẽ thức giấc trên kia, trên nóc nhà bằng.

Lửa trông thấy thế, lấy đó làm đau khổ mà chẳng nói gì cả; có điều khi người ta nói tên Tistet Védène trước mặt nó, đôi tai dài của nó run lên và nó nghiêng ken

kết miếng sắt chiếc vó của nó lên trên lễ.

Bảy năm trôi qua như thế ấy; rồi sau bảy năm đó, Tistet Védène từ triều đình Naples trở về. Thời gian lưu trú của nó chưa chấm dứt ở đó, nhưng nó nghe Đệ nhất Mù tạt gia [Premier Moutardier: Giáo chủ Avignon Jean XXII vốn thích mù tạt, và cho nó vào trong tất cả những thức ăn, nên tạo ra chức vị trên cho một người cháu của mình.] của Giáo chủ đột nhiên từ trần ở Avignon và vì nó thấy chân đó tốt, nó vội vàng trở về để có thể thế vào.

Khi cái tên Védène lương lẽo kia bước vào cung điện, đức Thánh cha gần như không nhận ra được nó vì nó lớn quá và to người ra. Cũng cần phải nói là ông Giáo chủ hiền lành kia đã già đi, và không gọng kính thì ông không trông thấy rõ.

Tistet không chút rụt rè nói:

– Ô hay! Đức Thánh cha cao cả, ngài không nhận ra con nữa ư? Con đây, Tistet Védène.

– Védène?

– Thưa phải, ngài biết rõ....người mang rượu cho con lửa của ngài ấy.

– À! Phải... phải, ta nhớ ra một... đứa bé dễ thương, tên Tistet Védène đó... Thế bây giờ cậu muốn gì?

– Ô! Không có gì đáng, đức Thánh cha cao cả ạ... Con đến xin ngài... Nhân thể, ngài vẫn còn nó mãi chứ, con lửa của ngài ấy? Thế nó mạnh khoẻ chứ? À, càng hay... Con đến xin ngài chỗ làm của Đệ nhất Mùa tạt gia từ trần.

– Đệ nhất Mùa tạt gia, con?... Nhưng con trẻ quá. Thế con bao nhiêu tuổi?

– Thưa Ngài, hai mươi tuổi hai tháng, đúng năm tuổi lớn hơn con lừa của Ngài... À, thật là vinh diệu của trời... vật hiền lành ấy. Giá mà Ngài biết con yêu lừa bao nhiêu... con tưởng nhớ nó bao nhiêu ở Ý... Ngài có để cho con đến thăm nó không?

– Có chứ con, con sẽ đến gặp nó – ông Giáo chủ hiền lành đáp – Và bởi con thương con vật hiền lành ấy quá như thế, ta không còn muốn con sống xa nó. Ngay ngày hôm nay ta thuê nẹp con bên cạnh ta với tư cách Đệ nhất Mùa tạt gia... Các ông Hồng y của ta sẽ phản đối, nhưng kệ, ta đã quen thế rồi... Con đến gặp chúng ta ngày mai khi buổi kinh xong, chúng ta sẽ chuyển giao con những phù hiệu cấp bậc của con trước mặt đoàn tăng lữ của chúng ta... Và rồi, ta sẽ đưa con đi

thăm lửa, và con sẽ đến vườn nho với hai chúng ta... Hé! Hé! Thôi, đi.

Nếu Tistet lấy làm vui sướng khi bước ra khỏi gian phòng rộng lớn, và nó nóng nẩy như thế nào chờ đợi buổi lễ ngày mai, tôi không cần kể điều đó lại cho các bạn. Tuy thế, trong tu viện, có một kẻ sung sướng hơn và nóng nẩy hơn nó: đó là con lửa. Từ khi Védène trở về đến buổi lễ ngày hôm sau, con vật kinh khủng không ngớt dồn rơm tống vào tường bằng đôi vó sau. Cả nó nữa cũng chuẩn bị cho buổi lễ.

Và như vậy, hôm sau khi kinh đọc xong, Tistet Védène tiến vào trong sân của cung điện Giáo chủ. Tất cả giai cấp Thượng tầng lũ có mặt ở đó, các Hồng y mặc áo đỏ, Trạng sư của quý⁷ mặc áo

⁷ Trạng sư của quý: là một nhà Thần học có uy tín, trong một buổi phong thánh sẽ biện bác chống lại chuyện này.

nhung đen, các Giáo sĩ nhà dòng đội những chiếc mũ cao nhọn, nhân viên quản trị giáo khu Thánh Agrico, những chiếc áo tím của trường Thánh nhạc, có cả giới hạ tầng lũ, quân lính của Giáo chủ mặc bộ đại quân phục, ba hiệp hội những kẻ sám hối, các thầy tu hành núi Ventoux với vẻ mặt thị đời và chú học trò nhỏ đi phía sau mang chiếc chuông con, các huynh hành thể trần người đến thất lưng, các ông từ rục rở trong áo quan toà. Tất cả, tất cả, cho đến những người cho nước phép, và người cùng người.... không có một ai vắng mặt trong buổi lễ....Chà, thật là một cuộc phong chức trọng thể. Những chuông, những pháo, ánh nắng, nhạc và luôn luôn những tên cuồng mê tiếng trống đang nhảy nhót đằng kia, trên cầu Avignon.

Khi Védène xuất hiện ở giữa buổi họp, sự oai vệ và vẻ mặt tuấn tú của nó khiến mọi người thì thầm thán phục. Đó là một người miền Provence phong nhã, tóc hoe vàng, những lọn tóc to quấn ở đầu và bộ râu con lún phún, như lấy ở những mặt kim khí tinh khiết rơi từ chiếc kéo phép của cha nó, nhà điêu khắc vàng. Người ta đồn rằng mấy ngón tay của Hoàng hậu Jeanne đã vài lần đùa giỡn trong bộ râu hoe đỏ đó; và quả thật, ngài Védène có vẻ sang cả và cái nhìn hững hờ của những người được các bà Hoàng thương yêu... Ngày hôm ấy, để làm vinh dự dân tộc mình, Tistet thay đổi bộ quần áo Ý, với một chiếc quần viền hoa hồng theo kiểu miền Provence và trên cái áo choàng run rẩy một cái lông chim cò to miền Camargue.

Vừa bước vào, viên Đệ nhất Mù tạt gia chào với một vẻ lịch thiệp rồi đi lại phía bậc thềm cao, nơi Giáo chủ đợi nó để chuyển giao những dấu hiệu cấp bậc của nó: cái muống vàng và chiếc áo màu nghệ. Con lừa ở phía dưới cầu thang, đeo đồ đủ và sẵn sàng để đi vườn nho. Khi đi ngang qua lừa, Tistet Védène nở một nụ cười niềm nở và dừng lại để thân mật vỗ lên lưng lừa hai ba cái, vừa nhìn qua khoé mắt xem Giáo chủ có nhìn thấy mình không? Vị trí tốt rồi... Con lừa lấy trớn:

– Này húng lấy tên cướp! Bảy năm nay tao giữ cho mày!

Và lừa tổng cho hấn một đập kinh khủng, thật kinh khủng đến ngay ở Pam-périgouste người ta còn trông thấy hơi khói cái đá đỏ, một luồng khói đỏ hồng trong đó bay một ngọn lông chim: tất cả

những gì còn lại của tên Tistet Védène bạc phước.

Những cú đá của lửa bình thường không đến sấm sét như vậy, nhưng lửa này là một con lửa của Giáo chủ; và với lại, các bạn hãy nghĩ, lửa giữ nó cho hẵn từ bảy năm nay... Không có ví dụ tốt đẹp nào hơn cho sự thù hằn ở giới tu hành.

CÁI CHẾT CỦA THÁI TỬ

LA MORT DU DAUPHIN

Vị Thái tử nhỏ ốm, vị Thái tử sắp chết... Trong khắp các giáo đường của Vương quốc, phép Thánh thể được bày ra đêm ngày, và những cây nến to được đốt cháy cầu cho sự bình phục của con Vua. Các ngã đường chốn dinh thự cũ buồn bã và lặng lẽ, chuông không reo nữa, xe đi từng bước một.... Chung quanh cung điện, mấy công dân tò mò nhìn qua song cửa sắt, những lính canh

bụng to vàng ửng, đang nói chuyện với nhau ngoài sân với một vẻ quan trọng.

Tất cả lâu đài thắc thỏm... Các quan thị vệ, các người trưởng bộc chạy lên chạy xuống những bậc thang đá hoa. Mấy dãy hành lang đông đầy những tùy viên và những triều thần mặc áo lụa đến hỏi han tin tức bằng một giọng khe khẽ. Trên các bậc thềm rộng, các thị nữ đang khóc suốt suốt ngã rạp đầu chào nhau, vừa lau mắt bằng những chiếc khăn thêu xinh đẹp.

Trong nhà Cam có một đám đông các Ngự y mặc áo lớn. Qua các lớp kiếng, người ta thấy họ lay động những cánh tay áo dài đen và nghiêng nghiêng một cách thông thái bộ tóc giả có khoen dài của họ. Ông Thái phó và người Quản mã của Thái tử nhỏ đang thả bộ trước cửa chờ các quyết định của họ. Mấy anh phụ

bếp đi ngang qua bên cạnh họ mà không chào, ông Quán mã chửi thề như một kẻ vô thần và ông Thái phó đọc mấy câu thơ của Horace... Trong khi đó, ở đằng kia, về phía các chuồng ngựa, người ta nghe một tiếng hí than vãn dài. Đó là con Hoàng mã của vị Thái tử nhỏ, mấy anh chăn ngựa quên lửng và đang buồn rầu gọi trước cái máng không.

Còn Vua? Đức Vua đâu rồi?... Vua ở cấm cung một mình căn phòng cuối lâu đài... Các bậc Vua chúa không thích người ta trông thấy họ khóc... Về phần Hoàng hậu lại là chuyện khác... Ngồi ở đầu giường Thái tử, bà nức nở thật to, trước mặt tất cả, mặt đầm đìa nước mắt như một mù bán vải thường.

Trên giường, Thái tử mặt trắng còn hơn mấy cái gối cậu nằm trên đó, đang nằm nghỉ, mắt nhắm lại. Người ta tưởng

là Thái tử ngủ; nhưng không, Thái tử không ngủ.... Thái tử quay sang mẹ, và thấy bà, mới hỏi:

– Thưa Mẫu hoàng, tại sao mẹ khóc? Có phải mẹ lại tin rằng con sắp chết không?

Hoàng hậu muốn trả lời. Nhưng tiếng nức nở làm cho bà không nói được.

– Mẫu hoàng chớ có khóc như thế. Mẹ quên rằng con là Thái tử, và các Thái tử không thể chết như thế được.

Hoàng hậu nức nở to hơn, và vị Thái tử bắt đầu sợ. Cậu nói:

– Ô này, con không muốn thần Chết đến đem con đi, và con biết rõ cách ngăn nó đến tận đây... Bảo người ta đem ngay đến bốn mươi tên lính đánh thuê thật khỏe để canh giữ quanh giường chúng

ta....Cho một trăm khẩu đại bác to tức trực sẵn đêm ngày, mỗi lửa đốt sẵn dưới cửa sổ chúng ta. Vô phúc cho thần Chết dám đến gần chúng ta.

Để chiêu theo Thái tử, Hoàng hậu phát một dấu hiệu. Ngay sau đó, người ta nghe các khẩu đại bác to lăn trong sân và bốn mươi tên đánh thuê cao lớn, thương nằm ở tay, đến sắp hàng chung quanh phòng. Đó là những chiến sĩ kỳ cựu già có hàng râu mép xám. Vị Thái tử vỗ tay khi trông thấy họ. Thái tử nhận ra một người trong đám và gọi:

– Lorrain! Lorrain!

Một chiến sĩ kỳ cựu tiến một bước đến giường.

– Tôi yêu anh lắm, Lorrain ạ... Cho trông qua cây gươm to của anh... Nếu

thần Chết muốn đem tôi đi, phải giết nó nhé, có phải không?

Lorrain đáp:

– Phải, thưa Thái tử.

Và hai giọt nước mắt to tướng chảy xuống, trên đôi má sạm khô của hắn. Lúc này, vị thầy Cả đến gần Thái tử và nói với Thái tử rất lâu bằng giọng thấp nhỏ, cho Thái tử trông thấy một cây Thánh giá. Thái tử nghe ông nói với một vẻ hết sức ngạc nhiên và thốt nhiên ngắt lời ông:

– Tôi hiểu rõ điều ông nói với tôi, ông Cố đạo ạ. Nhưng nói tóm lại thằng bạn nhỏ Beppo của tôi có thể nào chết thế chỗ tôi, bằng cách cho nó nhiều tiền không?

Thầy Cả tiếp tục nói khẽ với Thái tử và Thái tử càng lúc càng ngạc nhiên.

Khi thấy Cả dứt, vị Thái tử lại nói qua một tiếng qua một tiếng thở dài thườn thượt:

– Tất cả những gì ông nói tôi đó buồn quá, ông Cố đạo ạ. Nhưng một điều an ủi tôi ấy là ở trên kia ấy, trên Thiên đường các vì sao, tôi sẽ lại là Thái tử... Tôi biết là ông Trời là anh họ tôi, và làm sao ông ấy cũng không thể, không đối đãi tôi theo địa vị của tôi.

Rồi quay sang mẹ cậu nói:

– Bảo người ta đem đến những cái áo đẹp nhất của con, cái áo ngoài lông sóc trắng và đôi hài nhung của con. Con muốn tỏ ra keng trước mặt các Thiên thần và mặc áo Thái tử bước vào Thiên đường.

Một lần thứ ba, vị thầy Cả nghiêng mình lên trên Thái tử, và nói với cậu rất lâu bằng một giọng khẽ... Giữa lúc thầy đang nói, con Vua giận dữ ngắt lời:

– Sao đây, làm Thái tử không là gì hết sao?

Và không muốn nghe gì hơn nữa, Thái tử quay đầu vào tường và khóc một cách chua xót.

HẢI ĐĂNG ĐẢO SANGUINAIRES

LE PHARE DES SANGUINAIRES

Đêm ấy, tôi không tài nào ngủ được. Ngọn tây bắc điên cuồng, và những tiếng vang dội của nó khiến tôi thức đến suốt sáng. Nặng nề quay mấy chiếc cánh xơ xác rít lên dưới ngọn gió bắc như dây buồm một chiếc tàu, cả cái xay gió kêu lên răng rắc. Ngói hỗn độn bay tung trên mái. Đẳng xa, thông san

sát phủ kín ngọn đồi, rung chuyển lên và rì rào trong bóng tối. Người ta có cảm tưởng đang ở ngoài biển khơi.

Điều này, khiến tôi nhớ lại những đêm không ngủ trước đây ba năm, khi tôi ở hải đăng Sanguinaires. Đăng kia, trên bờ biển Crose, ở ngã vào vịnh Ajaccio.

Thêm một xó xinh đẹp tôi tìm được tại đó để mơ màng và để được sống lẻ loi.

Các bạn hãy tưởng tượng một hòn đảo đỏ sẫm và đáng vẻ hoang dại; hải đăng nằm ở một mũi, ở mũi kia một cái tháp cũ Ý, nơi có một con ó ở đó vào thời tôi. Phía dưới, ở ven mặt nước, một trại bệnh dịch [Trại biệt lập, nơi ở của hành khách và thủy thủ đến từ những xứ bị bệnh dịch hoành hành] điêu tàn, khắp nơi cỏ ăn lan. Kế, những hố sâu, những

rừng lau, những tảng đá to, vài con dê rừng, mấy con ngựa Corses tung tăng, bồm tung dưới gió; sau rớt trên cao, tít trên cao, trong một luồng lốc mấy con chim biển, cái nhà hải đăng với nóc nhà bằng xây vôi trắng, nơi người canh gác đi qua đi lại, cánh cửa xanh hình nón nhọn cao, tháp con bằng gang. Và trên cao, cây đèn to có mặt kiếng nhỏ phùng cháy dưới ánh nắng và tạo ra ánh sáng giữa ban ngày....Đảo Sanguinaires như thế ấy, theo như tôi thấy lại đêm đó khi thông reo. Chính ở trên hòn đảo thần tiên này, trước khi có một máy xay gió, thỉnh thoảng tôi đến, tự giam mình khi nào cần khí trời cao rộng và sự cô đơn.

Những gì tôi đã làm?

Những gì tôi làm ở đây, còn ít hơn. Khi ngọn tây bắc hay ngọn gió bắc thổi không mạnh lắm, tôi đến ngồi ở giữa hai

hòn đá sạt mặt nước, giữa những con thủy kê, những con sáo, những con én và tôi lưu lại đây gần như suốt ngày trong cái thú ngây ngất và đê mê thú vị kia mà sự ngắm nhìn biển cả đem đến. Chắc các bạn biết chứ, sự ngất ngây êm đẹp của tâm hồn đó. Người ta không suy nghĩ, người ta cũng không mơ tưởng nữa. Tất cả con người bạn thoát khỏi bạn, bay lên phân tán đi. Ta là con hải âu đâm chúi xuống, hạt bụi bọt nước trôi nổi dưới ánh sáng giữa hai đợt sóng, luồng khói trắng chiếc tàu đang rời xa kia, chiếc thuyền san hô nhỏ kia với cánh bướm đỏ, hạt ngọc nước kia, khóm sương kia. Tất cả, trừ chính mình....

Ồ, tôi đã sống trên đảo của tôi những giờ êm đẹp, nửa tỉnh nửa mê và tiêu diêu.

Những ngày gió to, bờ nước không đến ngồi được, tôi tự giam mình trong sân trại bệnh dịch, một thửa sân con u buồn ngào ngạt mùi hương thảo và ngải cứu. Tại đây, nép mình vào một mảnh tường cũ kỹ, tôi để nhẹ lan khắp người bởi mùi thơm mơ màng của bỏ lửng và của mơ buồn, bập bênh dưới ánh nắng trong những nắm mộ xưa. Thỉnh thoảng một tiếng đập cửa, một cái nháy nhẹ trong cỏ... đó là con dê đến gặm cỏ nấp gió. Trông thấy tôi, nó đứng dừng lại và cú sừng ra trước tôi, vẻ nhanh nhẹn, sừng cao, nhìn tôi với một đôi mắt trẻ con.

Khoảng năm giờ, ống phóng thanh của mấy người gác gọi tôi về ăn cơm. Bấy giờ tôi đi một lối nhỏ trong rừng lau, leo cao sừng sững vượt biển, và tôi chậm chậm trở về phía hải đăng, mỗi bước

chân trời bao la kia với nước và ánh sáng như nở rộng thêm ra, càng lúc tôi đi lên cao.

Trên cao, thật là đẹp. Tôi thấy gian phòng ăn xinh xắn, với những miếng đá rộng, với những mái gỗ, nồi bouillabaisse bốc khói ở giữa, cửa mở rộng ra sân thượng trắng và tất cả ánh nắng chiều đang len vào... Một người gác đang ở đó đợi tôi để ngồi lại bàn ăn. Có ba người, một người Marseillais và hai người Corses, tất cả đều bé nhỏ; râu rậm, cùng gương mặt sạm nắng, nứt nẻ, và cùng với cái áo choàng bằng lông dê. Nhưng tướng đi và tính tình đối nghịch nhau.

Theo cách những người đó sống, ta cảm thấy ngay được sự khác nhau giữa ba người. Người Marseillais, khôn ngoan và

lạnh lợi, luôn luôn bận rộn, luôn luôn cử động, dọc xuôi hòn đảo từ sáng đến tối, làm vườn, cày cuốc, lượm trứng chim biển, nấp rình trong rừng lau để chặn đường vắt sữa một con dê; và luôn luôn sẵn có một món súp tỏi⁸ hay món súp bouillabaisse nào đó.

Mấy người Corses thì ngoài công việc của họ, họ không lo bất cứ một điều gì; họ tự xem như là những công chức và suốt ngày ở trong bếp chơi những ván bài không bao giờ dứt. Chỉ dừng lại đốt ống điếu của họ với một vẻ trang nghiêm và xén bằng kéo những tấm lá thuốc xanh to, trong lòng bàn tay họ....

Kỳ dư, Marseillais và Corses, tất cả ba người đều là những người tốt, chất phác, ngây ngô và đầy lòng sốt sắng với

8 Nấu bằng tỏi và dầu ôliu, món ăn đặc biệt miền nam Pháp.

khách, tuy rằng trong thâm tâm họ thấy ông ta là một ông hết sức kỳ dị.

Bạn cứ thử nghĩ, đến giam thân ở hải đăng vì ý thích của mình. Họ thì họ thấy ngày dài quá, và họ sung sướng hết sức khi đến lượt mình đi về đất liền.... Vào mùa êm đẹp, cái diễm phúc đó cứ mỗi tháng đến với họ. Mười ngày trên đất liền cho ba mươi ngày ở hải đăng, luật lệ là như thế, nhưng với mùa đông và những ngày sóng gió thì chả có luật lệ gì cả. Gió thổi, sóng lên, đảo Sanguinaires trắng xóa bọt nước và những người gác đang kỳ hành sự bị kẹt lại hai ba tháng liền, có khi còn phải ở trong những hoàn cảnh kinh khủng.

Một hôm trong khi chúng tôi ăn, lão Bartoli kể lại với tôi:

– Đây là những gì xảy ra cho tôi, ông a. Đây là những gì xảy ra cho tôi cách đây năm năm, ở ngay cái bàn chúng ta đang ngồi đây, một tối mùa đông như bây giờ. Tối đó, chúng tôi chỉ có hai người trong hải đăng, tôi và anh bạn Tchéco... Những người khác đang ở trên đất liền, đau ốm, nghỉ phép, tôi chẳng biết nữa... Chúng tôi ăn xong rất yên lành....Thính linh, bạn tôi ngừng ăn nhìn tôi một giây lát bằng đôi mắt kỳ quái và ngã vật lên trên bàn, hai tay đưa ra phía trước. Tôi đến bên anh ta, tôi lay anh ta, tôi gọi anh ta:

– Này Tchéco!.....Tchéco!....

– Hắn chết rồi. Ông thử tưởng tượng tôi xúc cảm thế nào. Tôi đứng hơn một tiếng đồng hồ, sưng sờ và run rẩy trước xác chết đó. Rồi, đột nhiên tôi nảy ra một ý nghĩ: “Còn hải đăng...”. Tôi chỉ có thời

giờ để lên lồng đèn và đốt nó... Đêm đã đến từ lâu... Một đêm thế nào ấy ông ạ! Biển, gió không có những âm thanh tự nhiên của chúng nữa. Lúc nào tôi cũng thấy có ai gọi tôi ở cầu thang. Thêm điều đó, lại còn sốt, còn khát. Nhưng không ai làm cho tôi xuống... tôi quá sợ người chết. Tuy thế, khi hừng sáng, can đảm trở lại với tôi được đôi chút. Tôi mang bạn tôi lên giường, một tấm vải phủ lên, một đoạn kinh, và rồi mau mau đến những dấu hiệu báo động.

– Không may biển to quá; tôi hoài công gọi, không ai đến... Thế là một mình tôi ở trong hải đăng với anh Tchéco đáng thương của tôi, và có trời mới biết trong bao lâu... Tôi hy vọng có thể giữ hắc bên cạnh tôi cho tới khi tàu đến; nhưng trong vòng ba ngày điều này không thể được nữa... Làm sao bây giờ? Mang hắc

ra ngoài? Chôn hẳn? Đá cứng quá và có bao nhiêu là con quạ trên đảo. Bỏ tên có đạo này cho chúng thì tội quá. Bấy giờ tôi nghĩ cho hẳn xuống một cái lỗ con của trại bệnh dịch... Cái việc buồn khổ đó làm tôi mất suốt một buổi trưa, và tôi quả quyết với ông là tôi cần có cam đảm mới làm được. Chẳng hạn, ông ạ, ngay hôm nay, khi tôi xuống phía đó của đảo vào một trưa gió to, tôi vẫn thấy như luôn luôn tôi mang xác chết trên vai...

Thương hại lão Bartoli! Mồ hôi chảy trên trán lão, chỉ cái việc nghĩ đến đó.

Mấy bữa ăn của chúng tôi trôi qua như thế ấy, với những câu chuyện dài dặc như: biển, hải đăng, những câu chuyện đắm tàu, những chuyện các tên cướp Corses... Rồi khi ngày xuống, người gác lượt dầu đốt ngọn đèn con, lấy ống điếu,

cái gù, một quyển sách Plutarque⁹ to tướng với gáy đỏ, tất cả thư viện của đảo Sanguinaires, và biến mất ở đằng cuối. Trong một giây phút, tất cả hải đăng là cả một tiếng ồn ào của dây sắt, những trái lắc đồng hồ người ta lên giây.

Tôi, trong khi ấy, tôi đến ngôi bên ngoài sân thượng. Thái dương đã thật thấp, xuống phía mặt nước càng lúc càng nhanh, đem tất cả chân trời theo nó. Gió mát đi, đảo trở màu tím. Trên trời, bên cạnh tôi, một con chim lớn nặng nề bay qua: đó là con ó của tháp Ý, đang quay về... Dần dần sương biển dâng lên. Không bao lâu, người ta chỉ trông thấy cái viền trắng của bọt nước chung quanh đảo... Thành linh, trên đầu tôi, phun ra một đợt ánh sáng dịu to. Hải đăng đã đốt. Để tất cả đảo trong bóng tối, tia sáng

⁹ Tác giả Hy Lạp vào thế kỷ thứ nhất sau Thiên Chúa.

đến rơi ngoài khơi biển và tôi chơ vơ trong đêm tối, dưới những lượt sóng to lấp lánh sáng kia lăm le tung toé khi tôi lướt qua... Nhưng gió còn mát nữa, cần phải trở về. Sờ soạng, tôi đóng cánh cửa sắt to lại, tôi soát kỹ các then sắt; rồi vẫn cứ sờ soạng, tôi leo lên một cầu thang nhỏ bằng gang rung chuyển và rền vang dưới bước chân tôi và tôi đến tận đỉnh ngọn hai tầng. Tại đây – chà – mới có ánh sáng.

Bạn tưởng tượng một cây đèn máy khổng lồ với sau hàng bậc, quanh đó những vỏ ngọn đèn quay từ từ, mấy cái này đẩy đặn bởi một chấu kính thủy tinh, mấy cái khác mở ra trên một khung kiếng to bất động, khiến cho ngọn lửa nấp được gió.

Khi bước vào tôi chóa mắt. Những đồng này, những thiếc này, những máy

phản chiếu kim khí trắng này, những tường thủy tinh cong cong quay đi với những cái vòng xanh to, tất cả sự ngời chiếu đó, tất cả những cái lắc cắc của ánh sáng đó trong một giây phút khiến cho tôi choáng váng.

Dần dần, tuy thế, mắt tôi quen đi và tôi đến ngồi ngay dưới chân ngọn đèn, bên cạnh người gác đang đọc quyển Plutarque to giọng vì sợ ngủ quên.

Bên ngoài, bóng đêm, vực thẳm. Trên cái bao lơn nhỏ quay quanh kiếng, gió chạy như một kẻ điên vừa gào thét. Hải đăng kêu răng rắc, biển gầm gừ. Ở mũi đảo, trên mấy bậc đá, các lượn sóng làm như là những tiếng súng đại bác... Từng lúc, một ngón tay vô hình va trên các mảnh kiếng, con chim nào đó bị ánh sáng lôi cuốn và đến đập đầu vào thủy tinh. Trong chiếc đèn lấp lánh và

nóng, không có gì khác ngoài tiếng reo của ngọn lửa, tiếng dầu nhỏ giọt, tiếng sợi dây tuông ra; và một giọng đều đều đọc lại cuộc đời của Démétrius de Phalère¹⁰ ...

Nửa đêm người gác đứng dậy, ném một cái nhìn cuối cùng lên mấy ngọn bắc và chúng tôi xuống. Tới cầu thang, chúng tôi gặp người bạn gác lượt nhì đang đi lên, tay dụi mắt; chúng tôi trao cho hắn cái gù, quyển sách... Rồi trước khi lên giường, chúng tôi vào một lúc trong gian phòng ở cuối, chất đầy những dây xích, những quả lắc to, những đồ dự trữ. Và tại đây, dưới ánh sáng ngọn đèn của mình, người gác viết lên quyển sách to của hải đăng, luôn luôn mở sẵn:

10 Nhà chính trị và diễn giả Hy Lạp vào thế kỷ thứ tư trước Thiên Chúa.

Nửa đêm. Biển to. Giông. Tàu ngoài khơi.

